

MA-HA CHỈ QUÁN**QUYỂN 5**
(Phần Đầu)

Thứ bảy là chánh tu chỉ quán: Sáu lớp trước nương vào kinh điển (Tu-đà-la) để khai thông sự hiểu biết nhiệm mầu, nay y vào sự hiểu biết ấy để lập chánh hạnh, tướng cao xa sáng suốt, nương vào mắt châu. Hành giải đã siêng năng, ba chướng bốn ma lẫn lộn, đua nhau sinh khởi, hôn mê chổng chất, thêm nhiều tán động, che lấp định, không nên thuận theo không nên sợ hãi, nếu thuận theo sẽ làm cho người hưởng về đường ác, sợ hãi làm ngăn ngại sự tu chánh pháp, phải dùng quán để quán tối tăm, tức ngay nơi sự tối tăm ấy mà bừng sáng, dùng chỉ để dùng tán, tức tán mà tịch, như chứa nước để lau chùi núi vàng, các dòng chảy về biển, củi cháy mạnh nở lửa, có gió lại càng lan khắp, pháp quán kim cương này có công năng dẹp giặc phiền não, phương pháp này vững bền, vượt qua cái đồng hoang sinh tử, tuệ thanh tịnh đối với hạnh, hạnh tinh tấn đối với tuệ, chiếu khắp thấm nhuần, dẫn dắt thông suốt, mọi thứ ngọc soi chiếu dẫn nhau, một thân hai tay, lau chùi chà xát vào nhau. Chẳng những khai mở sự ngăn chướng mà bên trong phải siêng tu đạo, lại tinh thông kinh luận, bên ngoài khai mở những điều chưa nghe, lợi mình lợi người bao gồm lợi ích đầy đủ, quốc bảo là thầy loài người chẳng phải đây thì là ai nữa! Lại học từ bi như Phật không có sự san lẫn, nói pháp chỉ quán lập bày cho họ nghe, tức là mở cửa dốc hết kho báu, xả bỏ ngọc như ý, ngọc này phát ra ánh sáng mà lại tuôn mưa báu, nhiều sáng tận những nơi tối tăm, như xe hai bánh chạy đi rất xa, hai cánh của chim bay rất cao, ngọc quý trong sáng có thể hơn lời nói. Thành hương xương trắng, núi tuyết gieo mình cũng đâu đủ để báo đức, ngựa chạy nhanh thấy bóng roi quất mà chạy theo đường chánh, kẻ si độn kia khí độc thâm nhập làm mất bốn tâm, kia đã không tin thì không hạ thủ công phu, không nghe Phật pháp cho nên không hiểu biết, thiếu trí tuệ mất không phân biệt thật giả, thân cử động thì tê liệt, không thể bước tới trước, bất giác không biết lợi lớn chứa nhóm, đâu nhọc vì

người nói, dù chán đời huân theo thói thấp hèn nương bám cành lá nuôi chó làm việc, kính vượn khỉ làm Đố-thích, tôn gạch ngói làm ngọc quý, hạng người đen tối như vậy đâu thể luận đạo được. Lại có một hạng người tu thiền không thông đạt căn tánh người khác chỉ thuần dạy thuốc sữa, thể tâm đâm đập lên tâm, dung hòa so sánh tìm kiếm, hoặc lẫn lộn, hoặc hiểu rõ ý một dấu vết này, chướng nạn muôn nẻo lẫn lộn không hiểu, vừa thấy tướng lạ liền pháp quyết cho là đạo, tự chẳng phải pháp khí lại thiếu thợ giỏi, thầy trò mù què cả hai đều đọa, mùa lòa khập khiểng đi chơi đêm thật đáng thương xót, không nên nói pháp chỉ quán này cho những hạng người trên nghe. Xét rằng pháp chỉ quán ấy dành cho hạng người cao thượng càng cao thượng, người thấp kém càng thấp kém. Khai chỉ quán thành mười:

1. Ấm giới nhập.
2. Phiền não.
3. Bệnh hoạn.
4. Nghiệp tướng.
5. Ma sự.
6. Thiên định.
7. Các kiến.
8. Tăng thượng mạn.
9. Nhị thừa.
10. Bồ-tát.

Mười thứ cảnh này đều có thể ngăn che làm chướng ngại.

Ấm ở ban đầu có hai nghĩa:

1. Hiện tiền.
2. Nương theo kinh.

Kinh Đại Phẩm chép: Hành Thanh văn nương bốn Niệm xứ để hành đạo, Bồ-tát ban đầu quán sắc cho đến nhất thiết chủng trí, mỗi chương đều như vậy cho nên không trái với kinh. Lại nữa, người tu hành thọ thân mà ai không thọ ấm nhập. Gánh vác hiện tiền cho nên sơ quán, sau phát sinh tướng khác nên có thứ lớp riêng. Xét rằng năm ấm hòa hợp với bốn đại, nếu không quán chiếu xem xét thì bất giác dong ruổi như thuyền trôi thuận nước đâu biết thuyền chạy nhanh. Nếu thuyền kia ngược dòng nước mới biết thuyền chạy nhanh, đã quán ấm quả thì động đến nhân phiền não, cho nên thứ lớp năm ấm mà luận bốn phần. Bốn đại là thân bệnh, ba độc là tâm bệnh, do các thứ ấy cho nên trong lòng bất giác, nay phần lớn đều quán thẳng vào lục phủ ngũ tạng, cho nên bốn rấn (bốn đại) riêng khởi đến nỗi có hoạn sinh, các nghiệp vô

lượng không thể kể hết. Tán thiện yếu kém không thể lay động, nay tu chỉ quán mạnh khỏe, bệnh hoạn không suy kém, lay động vòn sinh tử, hoặc điều lành mới nảy mầm cho nên động, ác hoại cho nên động, khéo chỉ bày chịu quả báo cho nên động, ác đến trách báo cho nên động, cho nên kể là bệnh nên nói nghiệp. Do ác động cho nên ác dục diệt, do thiện động cho nên thiện dục sinh, ma đuổi ra khỏi cảnh, gây ra các nạn, hoặc phá hoại đạo kia cho nên kể là nghiệp nên nói ma. Nếu vượt qua nghiệp ma thì công đức sinh, hoặc tập nhân quá khứ, hoặc hạnh lực hiện tại, các thiện cạnh tranh sinh khởi, hoặc mùi vị thanh tịnh, hoặc ngang hoặc dọc, cho nên kể ma mà nói thiên, thiên có quán chi, nhân sinh tà tuệ, quán sát các pháp, sinh khởi các điên đảo, phân biệt mạnh mẽ, cho nên kể là nói kiến chấp. Nếu sự thấy biết là trái thì dứt các vọng chấp kia, tham sân lợi độn cả hai đều không sinh khởi, kẻ vô trí cho là chứng Niết-bàn, hàng Tiểu thừa cũng có chấp ngang có bốn thiên là bốn quả, Đại thừa cũng có ma đến và ghi nhớ, chưa đắc mà cho là đắc đó là người tăng thượng mạn, cho nên kể là nói về mạn. Thấy mạn đã tịnh, thói quen nhỏ đời trước do sự yên tĩnh mà sinh, ngài thân tử xả bỏ mất tức là việc ấy.

Đại Phẩm chép: Hằng sa Bồ-tát phát đại tâm, hoặc một hoặc hai nhập Bồ-tát vị phần nhiều rơi vào Nhị thừa, cho nên kể là nói rộng về Nhị thừa, hoặc nhớ bốn nguyện nên không rơi vào không, các phương tiện đạo Bồ-tát cảnh giới liền khởi.

Đại Phẩm chép: Có Bồ-tát không thường thực hành sáu Ba-la-mật, nếu nghe pháp sâu xa nhiệm mầu liền khởi tâm phỉ báng, rơi vào địa ngục đây là sáu Độ của Bồ-tát. Thông giáo phương tiện vị cũng có nghĩa hủy báng, nhập chân đạo không hủy báng. Biệt giáo sơ tâm biết có pháp sâu xa nhiệm mầu, cho nên không hủy báng. Có giáo này từ đầu chánh báo phàm phu sau cùng đến phương tiện bậc Thánh, ám nhập một cảnh thường tự hiện tiền, hoặc phát, không phát cũng thường gọi là quán. chín cảnh kia phát thì được gọi là quán, không phát sở quán nào. Lại, tám cảnh cách xa chánh đạo, càng thêm phòng hộ được quy về chánh triệt, mười hai cách chánh đạo gần. Đạt đến địa vị này thì không lo vô quán, tu ít là đứng lại nếu không hiểu các cảnh phát khởi lẫn nhau nên sinh nghi ngờ, như ở đường rẽ mà không biết lối ra. Trước nếu nghe sự buông lung biến chuyển lạ lùng ấy tâm an như không. Phát sinh lẫn nhau có mười: đó là thứ không thứ, tạp không tạp, đủ không đủ, tác ý không tác ý, thành không thành, lợi ích không lợi ích, lâu không lâu, khó không khó, lại không lại, ba chướng bốn ma, chín đôi, bảy chiếc.

Thứ lớp có ba nghĩa, đó là pháp, tu, và phát.

Pháp: là dần dần hiểu sâu pháp.

Tu: Đời trước đã từng tu tập theo khứ lớp, hoặc đời này tu theo thứ lớp.

Phát: Là nương thứ lớp tu và thứ lớp phát.

Không thứ lớp cũng có ba nghĩa, đó là pháp, tu, phát:

Phát: Thì không định, hoặc trước phát sinh cảnh của Bồ-tát sau phát ấm nhập, tuy không thứ lớp mười số rõ ràng đầy đủ.

Tu: Nếu bốn đại chống trái nhau thì trước tu bệnh hoạn, nếu bốn phần tăng nhiều thì trước tu phiền não, như vậy mỗi mỗi tùy theo cái nào mạnh mà trước tu.

Về pháp: Thì nhân nhĩ tử thiệt, ấm nhập giới... đều là tịch tịnh môn, cũng là pháp giới, đâu cần bỏ đây đến kia, xuất xứ từ kinh bảo khiếp... nên biết ngoài pháp giới ra không còn có pháp nào mà gọi là thứ lớp. Phiền não tức pháp giới, như kinh vô Hành chép: Tham dục tức là đạo.

Kinh Tịnh Danh chép: Thực hành phi đạo thông đạt Phật đạo. Phật đạo đã thông đạt thì không còn có thứ lớp. Bệnh hoạn là pháp giới,

Kinh Tịnh Danh chép: Nay ta bệnh chẳng phải thật chẳng phải có, chúng sinh bệnh cũng chẳng phải thật, chẳng phải có do đó tự điều hòa cũng độ chúng sinh. Phương tượng ngài Duy-ma thị hiện bệnh, ở song lâm Đức Phật thị hiện bệnh tức là nghĩa ấy.

Nghiệp tướng là pháp giới: Nghiệp là hành ấm, kinh Pháp Hoa chép: Hiểu sâu tướng tội phước, chiếu khắp nơi mười phương, pháp thân tịnh vi diệu, đầy đủ ba mươi hai tướng, hiểu rõ nghiệp từ duyên sinh không được tự tại cho nên không, nghiệp này có khả năng phá nghiệp, nếu chúng sinh ứng thì nghiệp này được độ, thị hiện các nghiệp, lấy nghiệp này lập nghiệp. Nghiệp và bất nghiệp, buộc thoát không thật có, phổ môn thị hiện, song chiếu buộc thoát cho, nên gọi là thâm đạt chỉ có khả năng làm thầy phương đẳng việc ma là pháp giới: Kinh Thủ-lăng-nghiêm chép: Ma giới như Phật giới như, một như không có hai như, trong thật tế Phật còn không thấy, huống chi thấy có ma ư! Dù cho có ma, cũng có thuốc hay để chữa trị... thiền pháp giới: Năng quán tâm tánh gọi là Thượng định, tức Thủ-lăng-nghiêm bất muội bất loạn, nhập vương Tam-muội, tất cả Tam-muội đều nhập vào trong đó.

Kiến là pháp giới: Dùng tà tướng nhập chánh tướng, đối với các kiến bất động mà tu ba mươi bảy phẩm. Lại động tu, bất động cũng

động cũng bất động tu, phi động phi bất động tu, tu ba mươi bảy phẩm. Dùng kiến làm môn, dùng kiến làm thị, mạn làm pháp giới, lại là phiền não. Quán mạn vô mạn, mạn đại mạn, phi mạn phi bất mạn, thành bí mật tạng, nhập đại Niết-bàn.

Hàng Nhị thừa là pháp giới: Nếu chỉ có kiến đối với không, bất kiến bất không... người trí thấy không và bất không, quyết hiểu rõ pháp Thanh văn đó là kinh đứng đầu các kinh, nghe rồi tư duy được gần đạo vô thượng.

Cảnh Bồ-tát là pháp giới: Sinh tử là việc ác, Tiểu thừa là thấp kém còn là pháp giới, huống gì pháp Bồ-tát đâu chẳng phải Phật đạo. Lại, Bồ-tát quyền phương tiện tức là quyền mà thật, cũng tức phi quyền phi thật, thành bí mật tạng, nhập đại Niết-bàn, mỗi pháp đều là pháp giới, đó gọi là bất thứ đệ pháp tướng.

Tạp bất tạp: Phát sinh một cảnh rồi lại phát sanh một cảnh nữa, phân biệt rõ ràng, đó gọi là tạp. Thích phát ấm nhập, lại khởi phiền não, phiền não chưa diệt, lại nghiệp, lại ma, thiền kiến mạn... giáo tiếp theo chiều ngang và hợp nhau đó gọi là tạp phát, tuy tạp nhưng không ra ngoài mười thứ. Cụ bất cụ: Số mười đầy đủ gọi là cụ, bỏ chín gọi là bất cụ. Thứ bất thứ, tạp bất tạp, đều nói về cụ bất cụ. Lại, tổng cụ tổng bất cụ, biệt bất cụ. Mười số đầy đủ gọi là tổng cụ, mười số không xác thật gọi là tổng bất cụ, thiếu chín số diệt bất cụ, trong chín số xác thật là biệt cụ. Lại hoàng cụ hoàng bất cụ, thụ bất cụ, chẳng hạn như phát bốn thiền đến phi tướng là thụ, đến chỗ không dụng gọi là thí bất cụ. Phát sinh sự thông suốt rõ ràng bối xả... là hoàng cụ, chỉ phát bảy bối xả là hoành bất cụ. Lại phát Sơ thiền đến tứ thiền là thụ cụ Tam thiền về sau là thụ bất cụ. Lại Sơ thiền chín phẩm là thụ cụ, tám phẩm về sau là thụ bất cụ, lại một phẩm năm chi là hoàng cụ, tứ chi về sau là hoàng bất cụ, các pháp còn lại lệ theo đây mà biết..

Tu bất tu: Tác ý tu ấm giới nhập, giới nhập khai giải là tu phát, không tác ý ấm giới nhập, tự phát thông đạt sắc tâm là không tu phát, cho đến cảnh Bồ-tát cũng giống như vậy, phải có bốn cú làm căn bản, mỗi câu dặt thành ba mươi sáu câu, chẳng hạn như trong cảnh phiền não ở dưới nói.

Thành bất thành: Hoặc phát một cảnh rốt ráo, thành tự, thành tự rồi lại phát các cảnh khác, các cảnh khác cũng rốt ráo thành tự, hoặc phát một thứ vừa khởi vừa diệt, không những phẩm số thiếu kém mà đối với mỗi phần cũng mờ mịt không rõ ràng. Trước cụ bất cụ chỉ nêu rõ số đầu, trong đây nói về thể phần đầu cuối, ích bất ích: Hoặc sinh

khởi pháp ác, đối với chỉ quán có to lợi lớn ích rõ ràng vắng lặng càng sâu, hoặc phát sinh pháp lành đối với chỉ quán có tổn hại lớn, sự giảm kia tĩnh chiếu, hoặc thêm tĩnh, giảm chiếu, hoặc tổn tĩnh, tăng chiếu, đều tăng đều giảm.

Nạn phát bất nạn phát: Hoặc pháp ác khó dễ, hoặc pháp lành khó dễ, hoặc đều khó đều dễ.

Cửu bất cửu: Tự có một cảnh, lâu ngày không bỏ, hoặc có một cảnh vừa khởi liền diệt..

Cánh bất cánh: Tự có một cảnh, một cánh hai cánh cho đến rất nhiều, tự có một cảnh, một khi phát liền dứt, về sau không còn phát, các thứ như vậy... khác nhau, phải khéo phân biệt, hiểu rõ ý này, chớ lầm lẫn láy bỏ, nhưng đều dùng chỉ quán nghiên cứu khiến cho không vướng mắc.

Ba chương bốn ma: Kinh phổ hiền quán chép: Người ở cõi Diêm-phù-đề có ba chương rất nặng: Ấm nhập bệnh hoạn là báo chương, phiền não kiến mạn là phiền não chương, nghiệp ma thiên Nhị thừa Bồ-tát là nghiệp chương. Chương ngại chỉ quán không thanh tịnh sáng suốt, lấp bít đạo Bồ-đề khiến cho hành nhân không được thông đến giai vị năm phẩm sáu căn thanh tịnh, cho nên gọi là chương.

Bốn ma: Ấm nhập chính là ấm ma, nghiệp thiên Nhị thừa, Bồ-tát... là hành ấm, gọi là ấm ma, phiền não kiến mạn... là phiền não ma, bệnh hoạn là nhân của sự chết chóc gọi là tử ma, ma sự là thiên tử ma. Ma nghĩa là đoạt, phá quán gọi là đoạt mạng, phá chỉ gọi là đoạt thân. Lại nữa, diệt quán làm cho tối tăm, diệt chỉ lầm lẫn làm cho tan mất, cho nên gọi là ma...

Hỏi: Vì sao phát khởi lẫn?

Đáp: Tất cả đều do nhân duyên hai đời. Xưa có hạt giống tiêm quán, nay được mưa tu hành, tức thứ lớp phát; xưa có hạt giống quán tức không thứ lớp phát, xưa có hạt giống bất định tức tạp phát; xưa lúc tu thì số đầy đủ, tức cụ phát xưa lúc tu số không đầy đủ tức bất cụ phát; xưa từng chứng đắc nay phát thì thành; xưa nhấn mạnh nay không tu mà phát, nay duyên mạnh đợ tu mà phát. Nhân xưa nay duyên cả hai đều khéo léo hồi hướng đạo vô thượng, nay phát thì càng lợi ích. Xưa trong nhân duyên lẫn lộn độc hại thì dẫn đến sự phát sinh tổn hại nhân yếu kém thì không được lâu dài, chỗ phát sinh nhân mạnh thì được lâu dài, trụ nơi thô tế cho đến tứ thiên truyền thừa phân chia mạnh yếu... điều thiện dễ phát sinh thì ngăn tội nhẹ, điều thiện khó phát sinh thì ngăn ngừa tội nặng, điều ác khó phát sinh do lợi căn, điều ác dễ phát sinh do

độn căn. Ác muốn diệt mà cáo tạ, thiện muốn sinh mà tướng biết, thì một mà không thêm nữa, thiện sắc diệt mà cầu cứu, ác sắp khởi mà cầu nhận thì lại càng thêm thêm nữa. Trong đây đều phải khâu quyết, dùng trí tuệ để so tính, không hiểu ý thầy nên bị lầm lẫn phân biệt phải trái. vậy nên cần phải thận trọng siêng năng. Riêng phân biệt: Pháp như cát bụi, cảnh đâu nhất định là mười?

Đáp: Thí như mặt đất có thể sinh ra hạt giống mầm mống, số phương không rộng lược, khiến nghĩa để hiểu rõ ràng, cho nên nói mười đó thôi.

Hỏi: Mười cảnh chung riêng như thế nào?

Đáp: Lúc mới thọ thân thấy đều có thân, các kinh nói quán thường từ sắc khởi, cho nên ấm là đầu, ấm là gốc, ấm nhân nơi ấm hoạn, ấm đứng đầu thiện ấm, lại ấm nhân biệt ấm...

Chung nói phiền não: Kiến mạn đồng với phiền não, bệnh ấm nhập là quả của phiền não, nghiệp là nhân của phiền não, thiện là nghiệp vô động, nghiệp là dụng của phiền não, ma thống lãnh cõi dục, tức đứng đầu phiền não, hàng Nhị thừa, Bồ-tát tức biệt thâm nhiếp phiền não...

Gọi chung bệnh hoạn: Ấm giới nhập tức là gốc bệnh, phiền não kiến mạn... tức là phiền bệnh não.

Kinh Tịnh Danh chép: Nay ta bệnh đều do vọng tưởng các phiền não đời trước sinh, nghiệp cũng là bệnh.

Đại Kinh chép: Nay vua bệnh nặng, tức chỉ cho năm tội nghịch là bệnh. Ma có thể gây ra bệnh. Ba tai là lỗi lầm tật bệnh bên ngoài, bệnh suyển hay hỷ lạc là bệnh tật bên trong. Thiện có hỷ lạc tức bệnh hoạn, hàng Nhị thừa, Bồ-tát bệnh không, bệnh không cũng không.

Gọi chung là nghiệp: Ấm nhập là quả của nghiệp, phiền não kiến mạn là gốc của nghiệp, bệnh là nghiệp báo, ma là nghiệp ma, thiện là nghiệp vô động, Nhị thừa Bồ-tát là nghiệp vô lậu.

Gọi chung là ma: Ấm nhập tức ấm ma, phiền não kiến mạn tức ma phiền não, bệnh tức ma chết, ma tức ma trời, các thứ còn lại đều là hành ấm thuộc về ma.

Gọi chung thiện định: Thiện tự nó là cảnh giới kia, các nghiệp ấm nhập, phiền não, kiến mạn... đều thuộc về tâm định trong mười đại địa, ma là chưa đạt đến quả định, cũng thuộc tâm sở định, Nhị thừa, Bồ-tát thuộc về tịnh thiện. Lại nữa, thuộc về ba định: Thượng định thâm nhiếp Bồ-tát, Nhị thừa, trung định, hạ định thâm nhiếp tám cảnh...

Gọi chung là kiến: Ấm nhập tức ngã kiến, chúng sinh kiến. Phiền não đầy đủ năm kiến, bệnh thọ giải mạng giả kiến, nghiệp thiện... là

tác giả kiến cũng là giới thủ kiến, ma là kẻ sai sử tạo tác khiến cho thọ nhận, khiến cho sinh khởi. Lại nữa, sinh tử tức thuộc về khúc kiến địa.

Gọi chung là mạn: Ấm nhập thuộc về ngã mạn, phiền não thuộc về mạn mạn, bệnh hoạn bất như ý thuộc về mạn, nghiệp thuộc về kiêu mạn, do kiêu căng cho nên tạo nghiệp. Ma thuộc về đại mạn, thiên thuộc về kiêu mạn, kiến cũng thuộc đại mạn, Nhị thừa, Bồ-tát thuộc về tăng thượng mạn.

Gọi chung Nhị thừa: Pháp bốn Niệm xứ, bốn Đế thuộc về chín cảnh.

Gọi chung cảnh Bồ-tát: Dùng bốn thế nguyện rộng lớn thâm nhiếp chín cảnh.

Hỏi: Tên của cảnh, pháp đều chung vậy hành chân cũng chung hay không?

Đáp: Đại Kinh chép: Thế nào là chưa phát tâm mà gọi Bồ-tát? Người ở chính cảnh trước cũng gọi chung là hàng Bồ-tát. Chung là Nhị thừa thì có bốn thứ Thanh văn, Thanh văn tăng thượng mạn, thuộc về người của tám cảnh dưới. Thanh văn Phật đạo thuộc về hàng Bồ-tát.

Hỏi: Thông vô thường chẳng?

Đáp: luận bảo tánh chép: Bồ-tát trụ trong cảnh giới vô lậu, có kiến chấp kiến chấp điên đảo vô thường.

Hỏi: Thông có hữu lậu chẳng?

Đáp: Nghĩa của lậu thì chung, nghĩa của hữu có khác chút ít.

Hỏi: Thông là thiên chân phải chẳng?

Đáp: Nghĩa của Thiên thì chung, nghĩa của chân thì khác chút ít.

Hỏi: Nghĩa của thông có thể lãnh hội được, còn biệt thì thế nào?

Đáp: Mười cảnh khác nhau, tức là nghĩa riêng, lại có vừa chung vừa riêng.

Ấm là gốc của sự thọ thân, lại là khởi đầu của sự quán tuệ, do đó không phải đứng đầu. Một cảnh đây vừa chung vừa riêng, chín cảnh su phát sinh tướng khác mà có tên, nhưng được gọi là chung là riêng, không được vừa chung vừa riêng, nếu vậy thì phiền não cũng là gốc của các pháp, vốn là để trị hoặc, cũng là quán ban đầu. Thân bốn đại bệnh cũng là gốc của mọi việc, vốn là bị bệnh, cũng là quán ban đầu.

Hỏi: Vì sao không được vừa chung vừa riêng?

Đáp: Nếu thân phiền não thuộc về đời trước, hoặc phiền não đời này do thân mà có, bệnh không thường khởi là gốc của sự suy yếu, nên các kinh luận không dùng bệnh để làm quán ban đầu, cho nên không được vừa chung vừa riêng. Chẳng phải chung, chẳng phải riêng đều bất

khả tư nghi, một ấm tất cả ấm, chẳng phải một, chẳng phải tất cả.

Hỏi: Chính cảnh tướng khởi đặt tên riêng, ấm nhập giải khởi lẽ ra đặt tên riêng chẳng?

Đáp: Khi ấm giải khởi thì chẳng rõ ràng là riêng, lại thuộc về ấm nhập này, hoặc chấp sự hiểu biết này tức thuộc về kiến. Nếu y cứ vào giải khởi ái nhuế thì thuộc phiền não, với bệnh đến ma tùy việc mà phân biệt, hoặc phải phát rõ ràng, nhưng không có tướng chín cảnh, cho nên khí phần của chín quán chỉ được chung riêng, không được vừa chung vừa riêng.

Hỏi: Mười cảnh có riêng biệt rõ ràng không?

Đáp: Bốn Niệm xứ là ấm biệt, quán nhóm không là nhập biệt, vô ngã là giới biệt, năm pháp quán dừng tâm là phiền não biệt, tám niệm là bệnh biệt, mười điều lành là nghiệp biệt, năm phần là ma biệt, sáu diệt môn là thiền biệt, đạo phẩm là kiến biệt, vô thường khổ không là mạn, biệt bốn Đế, mười hai nhân duyên là Nhị thừa biệt sáu Độ là Bồ-tát biệt.

Hỏi: Năm ấm đều là cảnh, ngoài sắc tâm có quán riêng ư?

Đáp: Bất tư nghi cảnh trí, tức ấm là quán, cũng có thể phân biệt, bất thiện vô ký ấm là cảnh, năm ấm thiện là quán. Quán đã thuần thực, không ác không vô ký, chỉ có thiện ấm, thiện ấm chuyển thành phương tiện ấm, phương tiện ấm chuyển thành vô lậu ấm, vô lậu ấm chuyển thành pháp tánh ấm, gọi là vô đẳng đẳng ấm, đâu phải ngoài ấm có quán riêng ư? Tiểu thừa còn như vậy, huống chi bất tư nghi ư!

Hỏi: Nếu chuyển ấm thành quán thì lẽ ra báo ấm cũng nên chuyển phải chăng?

Đáp: Đại Phẩm chép: Sắc thanh tịnh cho nên thọ, tưởng, hành, thức, thanh tịnh, Bát-nhã cũng thanh tịnh.

Kinh Pháp Hoa chép: Nhan sắc tốt đẹp sáu căn thanh tịnh, tức là nghĩa ấy. Ấm tuy chuyển nhưng quán cảnh rõ ràng.

Hỏi: Mười cảnh và năm phần như thế nào?

Đáp: Năm phần chia thiền thành mười phát, y cứ vào cảnh, nay sẽ hiểu. Hoặc thứ lớp không thứ lớp, một phát đến sáu thì thuộc tiến phần, từ chín về sau thuộc trụ phần, tác ý giữ gìn thuộc hộ phần, một phát thì mất thoái phần, đạt phần có thể biết. Nếu đối với cảnh cảnh đều có năm phần, có thể dùng ý suy xét, không đợi phân biệt, nhưng năm phần mười cảnh đều là pháp tướng, có thể thay nhau có nghĩa kia, sáu tức, mười địa hạnh vị cạn sâu không có tướng loại.

Hỏi: Tánh của niệm là lìa, tánh của duyên cũng là lìa, nếu vô

duyên vô niệm cũng vô số lượng, làm sao đủ mười pháp giới ư?

Đáp: Bất khả tư nghì vô tướng mà có tướng, quán trí rõ ràng. Các kinh khác giải thích núi Tu-di chứa trong hạt cải, hạt cải có thể dung chứa núi tu-di, lửa phát ra hoa sen, người có thể qua biển, y cứ vào các việc ít có ấy mà giải thích bất tư nghì. Ở đây giải vô tâm, vô niệm, vô năng hành, vô năng đáo (Không thể đi, không thể đến) không nghĩ bàn lý, lý thì thắng sự.

Hỏi: Mười pháp giới có làm nhân quả cho nhau không?

Đáp: Điều là có nhưng quả cách ngăn khó hiển bày nhân thông suốt dễ biết, như từ đồng nữ dùng thế giới địa ngục để phát tâm Phật, như Bồ-tát chưa được thọ ký là khinh so với Bồ-tát đã được thọ ký, nếu không sinh tâm hối hận thì không có lúc nào hết tội. Lại dẫn các ví dụ, phàm Thánh đều có năm ấm, không thể nói ấm của Thánh như ấm của phàm. Lại nữa, Đức Phật có đủ năm nhãn, đâu thể dùng quả báo trời người giải thích Phật nhãn. Phật có đủ năm hạnh: Bệnh hạnh là thế giới bốn ác, Anh nhi hạnh là thế giới trời người, Thánh hạnh là pháp giới Nhị thừa, phạm hạnh là pháp giới Bồ-tát, thiên hạnh là pháp giới Phật.

Hỏi: Một niệm có đủ mười pháp giới, do khởi niệm mà đủ hay nhậm vận mà đủ?

Đáp: Pháp tánh tự như vậy chẳng phải do tạo tác mà thành, như một hạt bụi có đủ mười phương phần...

1. Quán cảnh âm giới nhập: Đó là năm ấm, mười hai nhập, mười tám giới.

Ấm: Là ấm cái thiện pháp, đây là dựa theo nhân mà đặt tên. Lại ấm là chứa nhóm sinh tử chồng chất, y cứ vào quả mà đặt tên. Nhập là bước vào, cũng gọi là du môn, giới gọi là giới biệt, cũng gọi là tánh phần. Luận Tỳ-bà-sa nói ba khoa khai hiệp. Nếu mê tâm thì khai tâm thành bốn ấm, sắc làm một ấm, nếu mê sắc thì khai sắc làm mười nhập và một nhập thiếu phần, tâm là một ý nhập và pháp nhập thiếu phần, nếu đều mê thì khai thành mười tám giới, số người nói năm ấm đồng thời. Thức là tâm vương, bốn ấm là tâm sở, y cứ vào hữu môn mà nói nghĩa, cho nên tâm vương, tâm sở nương nhau đồng thời khởi. Luận về người nói thức, trước hết hiểu rõ biệt, kế đến thọ lãnh nạp, tướng mạo tướng lấy, hành khởi trái sự tùy thuận, sắc do hành cảm, y cứ vào không nói về nghĩa, cho nên thứ lớp sinh nhau. Nếu căn cứ năng sinh, sở sinh, sở sinh từ tế đến thô cho nên thức ở trước hết, nếu theo sự tu hành thì từ thô đến tế, cho nên sắc đặt ở trước, đều không được tâm sở cách tâm vương. Nếu nói về bốn Niệm xứ tâm vương ở trong, ở đây y

cứ vào ngôn thuyết cho tiện lại phân biệt chín thứ, một là kỳ sắc tâm, gọi là quả báo năm ấm, thường thường tướng thọ vô ký năm ấm, khởi kiến khởi ái, cả hai đều làm ô uế năm ấm, động thân nghiệp khẩu nghiệp thiện ác thuộc năm ấm, biến hóa thị hiện công xảo năm ấm, người có đủ năm gốc lành phương tiện năm ấm, người chứng bốn quả vô lậu năm ấm, các thứ như vậy vốn từ tâm lưu xuất.

Kinh Chánh Pháp Niệm chếp: Như họa sĩ tay họa vẽ năm màu sắc lẫn lộn rực rỡ xanh, đen, vàng, đỏ, trắng. Trắng trắng tay vẽ thí như tâm, màu đen thí như địa ngục ấm, màu xanh thí như quỷ, màu đỏ thí như súc sinh, màu vàng thí như Tu-la, màu trắng thí như người, trắng trắng thí như trời, sáu thứ ấm này chỉ ngang bằng giới nội. Nếu y theo Kinh Hoa Nghiêm thì tâm như người thợ vẽ, vẽ các thứ năm ấm, giới nội giới ngoại tất cả trong thế gian đều do tâm tạo, sắc tâm thế gian, đâu thể đem tâm phàm phu mà biết được. Mắt phàm phu tối tăm gần còn không thấy gần thì làm sao thấy được xa, nhiều đời nhiều kiếp cách một gang tấc còn không thấy giới nội, hướng chi là giới ngoại cách xa ư! Như nai khát nước chạy đến chỗ ánh nắng bốc cháy, chó điên cắn sấm sét đâu có đúng lý, dù cho giải ngộ Tiểu thừa cuối cùng chẳng phải là đại đạo. Cho nên kinh đại tập chếp: Người thường kiến nói niệm khác dứt, người đoạn kiến nói một niệm dứt, cả hai đều rơi vào hai bên, không hợp với trung đạo, hướng chi người đời sau cách Phật quá xa, cần chuyển độn chấp, gọi là khởi tránh, thị phi lẫn nhau đều rơi vào tà kiến, cho nên ngài Long Thọ phá năm ấm một khác, đồng thời, trước sau, đều như lửa huyễn, âm hưởng biến hóa, thấy đều không thật có, đâu còn chấp âm vương, tâm sở, đồng thời, khác thời ư? Song giới nội, giới ngoại tất cả ấm nhập đều do tâm khởi. Phật bảo các Tỳ-kheo một pháp thâm nhiếp tất cả pháp, chính là Tâm.

Luận chếp rằng: Trong tất cả thế gian chỉ có danh và sắc, nếu muốn quán như thật thì chỉ quán danh sắc, tâm là mê hoặc, nghĩa ấy như thế. Nếu muốn quán sát thì phải nhổ bỏ gốc kia, như chữa bệnh trúng huyết, nay sẽ bỏ trượng dùng thước, bỏ thước dùng bốn ấm tấc... chỉ quán thức ấm, thức ấm là tâm.

Quán tâm có đủ mười pháp môn:

1. Quán đánh bất khả tư nghì.
2. Khởi tâm từ bi.
3. Khéo an tâm chỉ quán.
4. Phá pháp khắp.
5. Thức không bít.

6. Tu đạo phẩm.
7. Đối trị trợ khai.
8. Biết thứ vị.
9. Năm an nhẫn.
10. Không pháp ái.

Đã tự thông đạt cảnh nhiệm mầu thì khởi thế từ bi cứu giúp chúng sinh, kể đến khởi hạnh lập nguyện đã khéo léo phá cùng khắp, trong sự phá khắp ấy tinh thông chỗ thông bí, khiến cho đạo phẩm tiến hành. Lại dùng trợ khai đạo, địa vị trong đạo mình và người đều biết, an nhẫn trong ngoài vinh nhục chớ đấm cháp, pháp ái trung đạo, cho nên mau chứng nhập địa vị Bồ-đề. Thí như tỳ-thủ-yết-ma xây dựng thẳng đường, không thông không bí, gian nhà không lỗ trống, có thể dung chứa tất cả, đứng sừng sững hùng tráng ở trên trời, thợ vụng về chẳng thể so sánh, đo lường được. Lại như khéo vẽ sữa chữa thành quách kia, vẽ màu sắc tượng chân thật, pháp tinh túy linh thiên, có sinh khí hạch toán nhanh lẹ, đầu thế che lấp màu sắc, con người có thể tô điểm cho đẹp thêm, mười lớp quán pháp này ngang dọc đều thâm nhiếp, đẹp đẽ khéo léo, ban đầu thì phân biệt cảnh chân nguy, chặng giữa thì chính giúp đỡ thân, sau cùng thì an nhẫn không chấp đấm, ý tròn đầy pháp, khéo léo bao gồm khuôn phép sợ tâm, sẽ đưa hành giả đến bờ bên kia, thiền sư ám pháp sư tụng văn chẳng thể biết được. Bởi do Đức Như Lai trải qua nhiều kiếp siêng năng tìm cầu, là chỗ đạo tràng chứng ngộ vi diệu, ngài thân tử ba phen thưa hỏi, Đức Phật ba lần nói pháp thí dụ chính là ở đây.

1. Quán tâm là cảnh bất khả tư nghì: Cảnh này khó nói. Trước hết nói rõ cảnh tư nghì, khiến cảnh bất tư nghì dễ hiểu rõ. Pháp tư nghì: Tiểu thừa cũng nói tâm sinh tất cả pháp, nghĩa là nhân quả trong sáu đường ba cõi xoay chuyển, hoặc bỏ phàm ưa Thánh thì bỏ dưới lên trên, nguội thân bật trí, chính gọi là hữu tác tứ đế, do pháp tư nghì. Đại thừa cũng nói tâm sinh tất cả pháp, đó là mười pháp giới. Nếu quán tâm là có thiện có ác, ác thì nhân quả ba phẩm ba đường, thiện thì nhân quả ba phẩm: Tu-la, trời, người. Quán sáu phẩm này vô thường sinh diệt, tâm năng quán cũng niệm niệm không dừng, lại năng quán sở quán đều do duyên sinh, duyên sinh tức không, đều là pháp nhân quả Nhị thừa. Nếu quán không hữu này rơi vào hai bên, chìm vào không, dính mắc hữu, mà khởi tâm đại Từ bi, nhập giả giáo hóa chúng sinh, thật không có thân giả làm thân, thật chẳng có không giả nói không mà giáo hóa dẫn dắt chúng sinh, tức pháp nhân quả của Bồ-tát. Quán pháp năng độ, sở độ này đều là pháp Trung đạo thật tướng, rốt ráo thanh tịnh, gì là thiện, gì

là ác, ai có ai không, ai được độ ai không được độ, tất cả pháp đều như vậy, đó là pháp nhân quả của Phật. Mười pháp này quanh co sâu cạn đều từ tâm lưu xuất chỉ thuộc về vô lượng tứ đế của Đại thừa, vẫn là cảnh tư nghi, chẳng phai chỉ là năng quán, sở quán ở đây.

Cảnh bất tư nghi: Như Kinh Hoa Nghiêm chép: Tâm như người thợ vẽ, vẽ các thứ năm ấm, tất cả pháp trong thế gian cũng đều do tâm sinh. Các thứ năm ấm: Như mười pháp giới năm ấm trước. Mười pháp giới có ba nghĩa: Số mười là năng y, pháp giới là sở y, năng sở gọi chung nên nói mười pháp giới. Lại nữa, mười pháp này cũng đều là nhân, cũng đều là quả, không lẫn lộn nhau, cho nên nói mười pháp giới. Lại mười pháp này mỗi mỗi đương thể đều là pháp giới, cho nên nói mười thời giới... thập pháp giới gọi chung là ấm nhập giới, kỳ thật khác nhau. Ba đường là ấm giới nhập hữu lậu ác, ba thiện là ấm giới nhập hữu lậu thiện, Nhị thừa là ấm giới nhập vô lậu, Bồ-tát là ấm giới nhập vừa hữu lậu vừa vô lậu vừa vô lậu, Đức Phật là ấm giới nhập phi hữu lậu phi vô lậu.

Thích Luận chép: Pháp vô thượng là Niết-bàn, tức là pháp phi hữu lậu, phi vô lậu.

Kinh vô lượng nghĩa chép: Đức Phật không có ấm giới nhập các đại, không có chín giới nhập trước. Nay nói có là có ấm giới nhập Niết-bàn thường trú.

Đại Kinh chép: Nhờ diệt vô thường sắc nên đạt được thường sắc, thọ tướng hành thức cũng giống như vậy. Thường lạc chồng chất tức là nghĩa nhóm họp, từ bi che lấp tức là nghĩa ấm, do mười thứ ấm giới khác nhau nên gọi năm ấm thế gian. Năm ấm gọi chung là chúng sinh, chúng sinh khác nhau ba đường ấm là chúng sinh tội khổ, trời người ấm là chúng sinh thọ vui, vô lậu ấm là chúng sinh chân Thánh, từ bi ấm là chúng sinh đại sĩ thường trụ ấm là chúng sinh cực tôn quý.

Đại Luận chép: Chúng sinh vô thượng là Phật, đâu đồng với hàng phàm phu thấp kém.

Đại Kinh chép: Lúc Ca-la-la là tên gọi khác, cho đến lúc già là tên gọi khác, lúc nảy mầm là tên gọi khác, cho đến khi kết quả thì tên gọi cũng khác. Y cứ vào một kỳ hạn mà mười thời nhau, hưởng chi mười cõi chúng sinh làm sao không khác được, cho nên gọi là chúng sinh thế gian. Nơi ở của mười thứ gọi chung là cõi nước thế gian. Địa ngục nung màu sắt đỏ mà trụ, súc sinh nung đất nước hư không mà trụ, Tu-la nung bờ biển, đày biểu mà trụ, người nung đất mà trụ, trời nung cung điện mà trụ, Bồ-tát sáu Độ người nung đất mà trụ, Bồ-tát Thông giáo hoặc nghiệp chưa hết đồng với người trời nung nước mà trụ. Do

người hoặc nghiệp đã hết nương cội phương tiện trụ Bồ-tát biệt, viên hoặc nghiệp chưa hết đồng với trời, người trụ cội phương tiện... người dứt hết hoặc nương trụ cội thật báo, Đức Như Lai nương trụ cội thường tịch quang.

Kinh nhân vương chép: Tam hiền, thập Thánh trụ nơi quả báo, chỉ có Phật ở cội tịnh độ, mỗi cội khác nhau cho nên gọi là cội nước thể gian. Ba mươi thứ thể gian này đều do tâm tạo ra.

Lại nữa, mười thứ năm ấm mỗi thứ đều có đủ mười pháp, nghĩa là như thị tánh, tướng, thể, lực, tác, nhân, duyên, quả báo, bổn mạng, cứu cánh đặng. Trước giải thích chung, sau tùy theo loại giải thích. Giải thích chung, tướng y cứ bên ngoài mà giải thích riêng.

Thích Luận chép: Dễ biết nên gọi là tướng, như tướng nước, tướng lửa khác nhau thì dễ biết, như khuôn mặt người có đầy đủ các nét đẹp, xem rõ tướng bên ngoài thì có thể biết được bên trong con người đó. Xưa, tướng của tôn lưu hiển, hiện bên ngoài tướng tào công ẩn bên trong, tướng ấy cất tiếng khóc lớn, bốn biển, ba phần, trăm họ bị độc. Nếu nói có tướng thì người ngu độn không biết, nếu nói không tướng thì người xem bói hiểu thông suốt, phải tùy tướng người tốt, xem sắc mặt bên ngoài của người đầy đủ tất cả tướng, tâm cũng như vậy đầy đủ tất cả tướng. Tướng chúng sinh ẩn khuất, tướng Di-lặc hiển bày, Đức Như Lai khéo biết cho nên xa gần đều ghi nhớ. Người thật có tin tâm mới có tất cả tướng.

Tánh như vậy: Tánh là y cứ bên trong, gồm có ba nghĩa:

1. Không đổi tên họ: Kinh vô hành gọi là bất động tánh, tánh tức là nghĩa không thay đổi. Lại, tánh gọi là tánh phần, nghĩa là chủng loại có nhiều phần khác nhau, mỗi thứ không thể thay đổi. Lại nữa, tánh là thật tánh, thật tánh tức lý cánh, cùng cực của sự thật không có lỗi, tức tên khác của Phật tánh. Bất động tánh giúp đỡ cho không, chủng tánh giúp đỡ cho giả, thật tánh giúp cho Trung. Nay nói rõ tánh bên trong không thể thay đổi, như trong gỗ có tánh lửa, đốt cháy hết tất cả cỏ khô, tâm cũng giống như vậy, có đủ tất cả tánh năm ấm, tuy không thấy được nhưng không thể nói là không, dùng mắt trí tuệ quán sát đầy đủ tất cả tánh. Người thế gian thật đáng chê cười do sự thấy thiên lệch mà phê viên kinh. Kinh Niết-bàn Phật biết chúng sinh có Phật tánh nên phán quyết là cực thường, kinh pháp hoa nói Phật biết tất cả pháp tánh như vậy nên phán quyết là vô thường, đâu thể do hiểu biết một chút ít cho là thường hiểu biết nhiều cho là vô thường được. Lại nữa, kinh Pháp Hoa chép: Đức Phật biết tất cả pháp đều là một chủng loại, một tánh

chất, lời nói này cũng thiếu vì sao quán quyết là vô thường, lại có sự phê phán mười như trong kinh hoa pháp hoa, năm như trước thuộc phạm là quyền, năm như sau thuộc Thánh là thật, y vào chỗ ông phán quyết phạm thì không thật, vĩnh viễn không thể thành Thánh, Thánh thì không quyền, chẳng phải Chánh biến tri, đây là thuyết chuyên thường, vu báng Phật, khinh khi kẻ phạm. Lại nữa, kinh Niết-bàn nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh mà nói là thường.

Kinh Tịnh Danh chép: Tất cả chúng sinh tức là tướng Bồ-đề, phán quyết là vô thường. Nếu Phật tánh khác tướng Bồ-đề thì có thể một thường, một vô thường, nếu không khác thì sự phán quyết này là lầm lẫn lớn, như người bói toán thấy tướng vua, tánh vua đều được lên ngôi vua, thì Phật tánh và tướng Bồ-đề vì sao khác nhau?

Thế như vậy: Làm chủ thể chất gọi là thể, mười pháp giới ấm nhập này đều dùng sắc tâm làm thể chất.

Lực như vậy: Có lực dụng gánh vác sự việc, như lực sĩ của vua có ngàn muôn tài năng vô bệnh cho nên nói không bệnh tật hữu dụng, tâm cũng giống như vậy đầy đủ các năng lực, do bệnh phiền não nên không thể vận động, như thật quán đầy đủ tất cả năng lực.

Tác như vậy: Vận động kiến lập gọi là tác, nếu lìa tâm không còn có sở tác, cho nên biết tâm đầy đủ tất cả tác.

Nhân như vậy: Chiêu cảm quả gọi là nhân, cũng gọi là nghiệp, mười pháp giới nghiệp khởi từ tâm, chỉ khiến tâm có đầy đủ các nghiệp nên gọi là nhân như vậy.

Duyên như vậy: Duyên gọi là duyên do sự trợ giúp của nghiệp, đều là nghĩa duyên. Vô minh, ái... năng thắm nhuần nghiệp, tức tâm là duyên.

Quả như vậy: Gặt hái thân hoạch quả, tập nhân tập đạo ở trước, tập quả gặt hái đạt được ở sau cho nên quả như vậy.

Báo như vậy: Báo đáp nhân gọi là báo, tập nhân tập quả thông suốt gọi là nhân chiêu cảm quả báo đời sau, do quả báo này là đền đáp nhân. Bốn mặt cứ cánh đấng như vậy: Tướng là gốc, báo là ngọn, gốc ngọn đều từ duyên sinh, duyên sinh cho nên không, gốc ngọn đều không, đây là y cứ vào không mà nói... lại nữa, tướng chỉ có chữ, báo cũng chỉ có chữ, đều là giả thi thiết, đây là y cứ vào giả danh mà nói... lại gốc ngọn là tiêu biểu cờ nêu lẫn nhau, xem xét tướng ban đầu tiêu biểu quả báo về sau, thấy báo về sau biết tướng ban đầu, như thấy bố thí biết giàu, thấy giàu biết bố thí, trước và sau ở trong nhau, đây là căn cứ vào giả mà luận... lại nữa, tướng mà vô tướng, vô tướng mà tướng,

chẳng phải tướng chẳng phải vô tướng, báo mà vô báo, vô báo mà báo, chẳng phải báo chẳng phải vô báo, mỗi mỗi đều nhập vào mé như thật, đây là y cứ vào trung mà luận...

2. Loại giải: Tóm lược mười ppá thành bốn loại ba đường, để tiêu biểu khổ là tướng, định ác chứa nhóm làm tánh, bẻ gãy sắc tâm làm thể, bỏ đao vào vạc làm lực, khởi mười bất thiện làm tác, ác nghiệp hữu lậu làm nhân, ái thủ... làm duyên, quả ác tập làm quả, ba đường ác làm báo, gốc ngọn đều si... ba điều lành nêu lạc làm tướng, định thiện chứa nhóm làm tánh, thăng xuất sắc tâm làm thể. Lạc thọ làm lực, khởi năm giới mười điều lành làm tác, bạch nghiệp làm nhân, thiện ái thủ làm duyên, quả thiện tập làm quả, cõi trời, người làm báo. Nên y vào giả danh, tướng trước sau ở trong nhau. Hàng Nhị thừa tiêu biểu Niết-bàn làm tướng giải thoát làm tánh, năm phần làm thể, vô phiền làm lực, đạo phẩm làm tác, vô lậu tuệ hạnh làm nhân, hành hạnh làm duyên, bốn quả làm quạt, trong ruộng hậu hữu bất sinh nên không có báo...

Bồ-tát Phật loại: Nhân duyên làm tướng, liễu nhân làm tánh, chánh nhân làm thể, bốn thế nguyện sâu rộng làm lực, sáu Độ muôn hạnh làm tác, trí tuệ trang nghiêm làm nhân, phước đức trang nghiêm làm duyên, Tam-bồ-đề làm quả, đại Niết-bàn làm báo...

Nhân duyên có thuận có nghịch, thuận sinh tử lấy nghiệp hữu lậu làm nhân, ái thủ... làm duyên, nghịch sinh tử lấy chánh vô lậu làm nhân, hành hạnh làm duyên, đều tổn sinh phá hoặc; thuận giới ngoại sinh tử tức lấy tuệ trung đạo làm nhân, muôn hạnh làm duyên, vì đều tổn biến dịch sinh tử, nhân duyên đã như vậy, ngoài ra nghịch thuận y cứ theo đây có thể biết. Nếu Thanh văn thì chỉ có chín không có mười, nếu y theo nghĩa ba Phật của Đại thừa thì Phật có báo thân, nếu y theo nghĩa dứt hết hoặc thì không có hậu báo, chín và mười châm chước có thể hiểu. Chúng sinh ở thế gian đã là giả danh có tự thể, phân biệt thật pháp là giả thì thiết mà thôi. Nghĩa là chúng sinh trong đường ác tướng, tánh, thể, lực, cứu cánh đặng... chúng sinh trong đường lành tánh, tướng, thể, lực, cứu cánh đặng... chúng sinh vô lậu tánh, tướng, thể, lực, cứu cánh đặng... Bồ-tát, Phật pháp giới, tướng, tánh, thể, lực, cứu cánh đặng... y cứ theo đây đều có thể hiểu. Cõi nước thế gian cũng đủ mười thứ pháp, đó là cõi nước xấu ác, tánh, tướng, thể, lực... cõi nước thiện, cõi nước vô lậu. Cõi nước Phật, Bồ-tát tánh, tướng, thể, lực... xét rằng một tâm đầy đủ mười pháp giới, một pháp giới lại đầy đủ mười pháp giới, một trăm pháp giới, một giới có đủ ba mươi thứ thế gian, một trăm pháp giới tức có đủ ba ngàn thứ thế gian. Ba ngàn này ở trong một niệm tâm, nếu vô

tâm thì thôi, còn có tâm thì có đủ ba ngàn, cũng không nói nhất tâm ở trước, tất cả pháp ở sau, cũng không nói tất cả pháp ở trước, nhất tâm ở sau, chẳng hạn như tám tướng biến đổi vật, vật ở trước tướng, vật không bị đổi dời, tướng tại trước vật cũng không bị đổi dời, trước cũng không thể sau cũng không thể, chỉ là vật luận tướng biến đổi, chỉ tướng đổi dời luận về vật, nay tâm cũng giống như vậy. Nếu từ nhất tâm sinh tất cả pháp, đây là chiều bề dọc; nếu tâm nhất thời bao gồm tất cả pháp, đây chiều ngang, dọc cũng không thể, ngang cũng không thể. Chỉ tâm là tất cả pháp, tất cả pháp là tâm, chẳng dọc, chẳng ngang, cái không thể dùng thức để hiểu, cái không thể dùng lời để nói, do vậy gọi là cảnh bất khả tư nghì, ý là ở đây...

Hỏi: Tâm khởi phải nương vào duyên, vì tâm có đủ ba ngàn pháp, là duyên đủ, là cộng đủ, là lìa đủ. Nếu tâm đủ thì tâm khởi duyên bất dụng, nếu duyên đủ thì duyên đủ không quan hệ với tâm, nếu cộng đều không cộng làm sao có, nếu lìa đủ thì đã lìa tâm, lìa duyên, làm sao bỗng nhiên tâm đầy đủ, bốn câu còn không thật có, làm sao đầy đủ ba ngàn pháp được?

Đáp: Địa nhân nói: Tất cả giải hoặc, chân vọng đều nương tựa vào pháp tánh, pháp tánh giữ gìn chân vọng, chân vọng nương pháp tánh.

Nhiếp Đại thừa chép: Pháp tánh không bị hoặc làm ô nhiễm, không được chân làm cho thanh tịnh, cho nên pháp tánh không giữ gìn. Nói giữ gìn. Nói giữ gìn là A-lại-da. Không ẩn không hiện, giữ gìn đầy đủ tất cả hạt giống, nếu theo địa sư thì tâm đầy đủ tất cả pháp, nếu theo nhiếp sư thì duyên đầy đủ tất cả pháp. Hai vị luận sư này mỗi vị đều y cứ theo một bên. Nếu pháp tánh sinh tất cả pháp, thì pháp tánh là phi tâm phi duyên, phi tâm nên tâm sinh tất cả pháp, phi duyên nên cũng ứng duyên sinh tất cả pháp, đâu được riêng nói pháp tánh là nơi chân vọng nương giữ. Nếu nói pháp tánh chẳng nương giữ, A-lại-da là nương giữ lìa ngoài pháp tánh có A-lại-da riêng nương giữ thì không quan hệ đến pháp tánh, nếu pháp tánh không lìa A-lại-da thì A-lại-da là nương giữ, lại trái với kinh.

Kinh chép: Chẳng phải, chẳng phải, cũng chẳng phải trung gian, cũng không thường tự có, lại trái với ngài Long Thọ.

Ngài Long Thọ nói rằng: Các pháp không tự sinh, cũng không do chỗ khác sinh, không cộng, cũng không phải vô nhân, lại căn cứ vào thí dụ xem xét, vì đang nương tâm cho nên có mộng, nương ngủ cho nên có mộng, cách ngủ hợp với tâm cho nên có mộng, lìa tâm lìa ngủ cho nên có mộng. Nếu nương tâm có mộng thì không ngủ lẽ ra phải mộng.

Nếu nương ngủ có mộng thì người như ngủ lẽ ra phải có mộng. Nếu ngủ và tâm cả hai hợp lại mà có mộng, thì người ngủ sao lại có lúc không mộng, lại mộng và tâm mỗi thứ đều có mộng, hợp lại để có mộng, mỗi thứ đều không mộng, hợp lại lẽ ra không có. Nếu lìa tâm, lìa ngủ mà có mộng thì hư không lìa cả hai lẽ ra thường có mộng. Bốn câu mộng còn không thật có, vì sao khi ngủ mộng thấy được tất cả việc? Tâm dụ cho pháp tánh, mộng dụ cho A-lại-da. Tại sao chỉ y vứ vào pháp tánh A-lại-da sinh tất cả pháp? Nên biết bốn câu đầu tâm không thật có, cầu ba ngàn pháp cũng không thật có. Đã ngang dọc từ bốn câu sinh ba ngàn pháp không thật có, lẽ ra từ một niệm tâm sinh ra ba ngàn pháp ư? Tâm diệt còn không thể sinh một pháp, làm sao có thể sinh ba ngàn pháp ư! Nếu từ tâm vừa duệt vừa bất diệt sinh ba ngàn pháp, vừa diệt bất diệt kia tánh tương trái nhau, cũng như nước lửa hai thứ đều không lập, làm sao có thể sinh ba ngàn pháp ư! Nếu nói tâm chẳng phải diệt, chẳng phải bất diệt sinh ba ngàn pháp thì chẳng phải diệt chẳng phải bất diệt, chẳng phải năng chẳng phải sở tại sao năng sở sinh ra ba ngàn pháp ư! Vừa dọc vừa ngang câu ba ngàn pháp không thật có, chẳng phải dọc, chẳng phải ngang câu ba ngàn pháp cũng không thật có, đường ngôn ngữ bật chỗ tâm hành diệt, cho nên ogi là cảnh bất khả tư nghì.

Đại Kinh chép: Sinh sinh không thể nói, sinh bất sinh không thể nói, bất sinh sinh không thể nói, bất sinh bất sinh không thể nói, tức là nghĩa này. Nên biết một pháp trong Đệ nhất nghĩa không thật có, hướng chi ba ngàn pháp một tâm trong thế đế còn có đủ vô lượng pháp, hướng chi ba ngàn ư!

Như Phật Đức Nữ nói: Có vô minh bên trong hay không?

Đáp: Không.

- Có bên ngoài hay không?

Đáp: Không.

- Có cả trong lẫn ngoài hay không?

Đáp: Không.

- Chẳng có ở trong chẳng có ở ngoài phải không?

Đáp: Không.

Phật dạy: Đúng như vậy.

Ngài Long Thọ nói rằng: Không tự, không tha, không cộng, không phải vô nhân sinh.

Đại Kinh chép: Sinh sinh không thể nói, cho đến bất sinh bất sinh không thể nói, có nhân duyên thì cũng có thể nói, đó là nhân duyên bốn tất-đàn. Tuy bốn câu câu sâu kín vắng lặng, từ bi thương xót đối với

tướng giả danh trong vô danh tướng mà nói. Hoặc tạo tác thể giới nói tâm có đủ tất cả pháp, người nghe vui mừng như nói ba cõi không khác, pháp chỉ do một tâm tạo, tức là văn ấy. Hoặc nói duyên sinh tất cả pháp, người nghe vui mừng như nói năm dục làm cho người rơi vào đường ác, Thiện tri thức nhân duyên lớn, nghĩa là giáo hóa dẫn dắt giúp chúng sinh nghe vui mừng, nữ nói bạc trắng hòa với vàng ròng có thể phát các sắc tượng, tức là văn ấy. Hoặc nói lìa sinh tất cả pháp, người nghe vui mừng, như nói mười hai nhân duyên chẳng phải Đức Phật tạo tác, chẳng phải trời, người Tu-la tạo tác, tánh nó tự như vậy, tức là văn ấy. Bốn câu này tức thể giới tất-đàn, nói tâm tánh ba ngàn tất cả pháp. Thế nào là vị nhân tất-đàn? Như nói Phật pháp như biển, chỉ người tin mới vào được, lòng tin là nguồn gốc uca đạo, là mẹ sinh ra các công đức, tất cả pháp lành từ đó mà sinh. Ông chỉ cần phát ba tâm Bồ-đề. Cho nên người xuất gia giới cầm đầy đủ, người nghe sinh lòng tin, tức là văn ấy. Có chỗ nói duyên sinh tất cả pháp, như nói nếu không gặp Phật thì sẽ rơi vào địa ngục khổ trong vô lượng kiếp, nhờ thấy Phật cho nên được vô căn tín, như từ y-lan sinh ra chiêm-đàn, người nghe sinh lòng tin tức là văn ấy. Có chỗ nói hợp sinh tất cả pháp, như nói nước tâm lóng trong, tướng châu tự hiện. Từ năng lực gốc lành thấy được việc này, người nghe sinh lòng tin, tức là văn ấy. Có chỗ nói lìa sinh tất cả pháp, như nói chẳng phải quán bên trong mà được trí tuệ ấy, cho đến chẳng phải quán bên trong quán bên ngoài mà được trí tuệ ấy. Nếu có trụ trước thì đầu tiên Ni Phạm chí có chút lòng tin còn không thể được, huống chi bỏ tà theo chánh, người nghe sinh lòng tin, tức văn ấy. Đó là vị nhân tất-đàn bốn câu nói tâm sinh ba ngàn tất cả pháp. Thế nào là đối trị tất-đàn nói tâm trị tất cả điều ác? Như nói được nhất tâm thì muôn điều tà liền tiêu diệt, tức là văn ấy. Hoặc nói duyên trị tất cả điều ác, như nói được nghe bậc đại trí vô thượng, tâm định như đất, không thể động chuyển tức là văn ấy. Hoặc nói nhân duyên hòa hiệp trị tất cả ác, như nói một phần do suy tư phát sinh, một phần theo thầy học mà được, tức là văn ấy. Hoặc nói lìa trị tất cả ác, khi ta ngồi đạo tràng thì không được tất cả pháp, nắm tay rồng lừa dối đứa trẻ, cho dụ độ tất cả, tức là văn ấy. Đó gọi là đối trị tất-đàn tâm phá tất cả điều ác. Thế nào là Đệ nhất nghĩa tất-đàn tâm thấy được lý? Như nói tâm khai ý giải bỗng nhiên đắc đạo, có chỗ nói duyên năng thấy lý, như nói nghe trong chốc lát liền được Tam-bồ-đề rất ráo. Có chỗ nói nhân duyên hòa hợp đắc đạo, như ngựa chạy nhanh thấy bóng roi liền chạy theo đường chính. Có chỗ nói lìa có thể thấy lý, như nói vô sở đắc tứ là đắc, đã là đắc vô sở đắc, đó gọi là Đệ nhất nghĩa

bốn câu thấy lý, hướng gì tâm sinh ba ngàn pháp ư! Ý chỉ của phậ đều thanh tịnh, không do nhân duyên cộng hay lìa, tức thế đế là Đệ nhất nghĩa. Lại bốn câu đều có thể nói, nói nhân cũng đúng, duyên cũng đúng cộng cũng đúng lìa cũng đúng. Nếu vì người mà nói mâu sữa như vỏ ốc hoặc gạo, tuyết chim hạc, người mù nghe các thứ ấy liền hiểu được sữa, tức thế đế là Đệ nhất nghĩa đế. Phải biết suốt ngày nói, suốt ngày không nói, suốt ngày không nói, suốt ngày nói, suốt ngày đều ngăn, suốt ngày đều chiếu, ngay nơi phá là lập, ngay nơi lập là phá, các kinh luận đều như vậy. Ngài Long Thọ, ngài Thiên Thân xem kỹ bên trong rõ ràng, bên ngoài thích hợp thời cơ đều y cứ quyền biến, thầy người hiểu lệch, người học câu chấp, liền sinh ra chấp chặt, bảo vệ một bên, cho là Đại thừa Thánh đạo, nếu hiểu được ý này đều không thể nói, đều có thể nói. Nếu tùy tiện nghi thì lẽ ra nói vô minh tánh pháp sinh ra tất cả pháp, như ngủ nghĩ, tâm mỗi pháp có tất cả việc mộng, tâm và duyên hợp thì ba thứ thế gian, ba ngàn tướng tánh đều từ tâm khởi, một tánh tuy ít nhưng không phải là không có, vô minh tuy nhiều mà không có. Vì sao? Vì chỉ cho một là nhiều, nhiều chẳng phải nhiều, chỉ cho nhiều là một, một chẳng phải ít, cho nên nói tâm này là cảnh bất khả tư nghì. Nếu hiểu một tâm là tất cả tâm, tất cả tâm là một tâm, chẳng phải một, chẳng phải tất cả. Một ấm là tất cả ấm, tất cả ấm là một ấm, chẳng phải một, chẳng phải tất cả, một tất cả nhập, tất cả nhập thì một nhập, chẳng phải một chẳng phải tất cả, một cõi là tất cả cõi tất cả cõi là một cõi, chẳng phải một, chẳng phải tất cả. Một chúng sinh là tất cả chúng sinh, tất cả chúng sinh là một chúng sinh, chẳng phải một chẳng phải một chẳng phải tất cả. Một tướng là tất cả tướng, tất cả tướng là một tướng, chẳng phải một chẳng phải tất cả. Cho đến một rớt ráo tất cả rớt ráo tất cả rớt ráo thì một rớt ráo, chẳng phải một, chẳng phải tất cả. Trải qua tất cả đều là cảnh bất khả tư nghì. Nếu pháp tánh vô minh hiệp là có thì tất cả pháp ấm giới nhập... tức là tục đế; tất cả giới nhập là một pháp giới, tức là chân đế; chẳng phải một chẳng phải tất cả tức là Trung đạo Đệ nhất nghĩa đế. Như vậy trải khắp tất cả pháp, đều là bất tư nghì tam đế... nếu một pháp là tất cả pháp tức là pháp do nhân duyên sinh, đó gọi là giả danh giả quán, nếu tất cả pháp là một pháp, thì ta nói tức là không, không quán. nếu chẳng phải một chẳng phải tất cả, tức là trung đạo quán, một không tất cả không, chẳng phải giả trung mà cũng chẳng phải không, đều là không quán. một giả tất cả giả, chẳng phải không trung mà không phải giả, đều là giả quán. một trung tất cả trung, chẳng phải không giả mà không phải trung, đều là

Trung quán. Tức trung luận đã nói một tâm ba quán bất khả tư nghì, trải qua tất cả pháp cũng như vậy. Nếu tất cả pháp do nhân duyên sinh tức phương tiện tùy tình đạo chủng quyền trí. Nếu tất cả pháp là một pháp ta nói tức là không, tức tùy nhất thiết trí trí. Nếu chẳng phải một chẳng phải tất cả cũng gọi là nghĩa Trung đạo, tức phi quyền phi thật nhất thiết chủng trí. Chẳng hạn như trên một quyền tất cả quyền, một thật tất cả thật, tất cả phi quyền phi thật, trải khắp tất cả, là bất tư nghì ba trí. Nếu tùy tình tức là tùy ý và lời nói của người khác, nếu tùy trí tức trí và lời nói của mình, nếu phi quyền phi thật tức là chẳng tùy ý và lời nói của mình và người, trải khắp tất cả đều là tiệm đốn, bất định, giáo môn bất tư nghì. Nếu hiểu đốn tức là thiếu tâm, tâm còn không thật có thì làm sao có được thú phi thú, nếu hiểu tiệm tức là hiểu thú tâm của tất cả pháp, nếu hiểu bất định tức là hiểu thú này không lỗi. Các thứ đây trên tuy tên khác mà nghĩa thì đồng, làm khuôn phép cho hành quân, gọi là ba pháp, sở chiếu là ba đế, sở phát là ba quán, quán thành là ba trí, dạy người khác gọi là ba ngữ, quy tông gọi là ba thú, hiểu được ý này thì tất cả, đều thành pháp môn, các thứ vị chớ nghi ngờ phiền muộn... như ngọc như ý là của quý báu trên cõi trời hình dạng như hạt lúa, có công năng rất lớn, trong sạch vi diệu, đầy đủ bảy thứ báu, năm thứ dục, chẳng phải chứa bên trong, chẳng phải từ bên ngoài, vào không tính toán trước sau, không chọn ít nhiều, không làm thô diệu, vừa ý đầy đủ giáng mưa xuống thấm nhuần tốt tươi, không thêm không hết. Bởi sắc pháp này còn có thể như thế, hướng chi tâm thần linh thiêng mầu nhiệm đầu không đầy đủ tất cả pháp ư! Lại nữa, ba độc mê hoặc tâm, một niệm tâm khởi, còn trở lại thân biên kiến lợi độn tám mươi tám sử, cho đến tám mươi bốn phiền não. Nếu nói trước có vì sao phải đợi duyên, nếu nói vốn không sao duyên đối liền ứng, bất hữu bất vô, nhất định có tức là tà, nhất định không tức là vọng, phải biết có mà không có, không có mà có tâm mê hoặc còn như vậy, hướng chi nhất tâm bất tư nghì ư? Lại như ngủ mộng thấy trăm ngàn muôn việc, khi tỉnh giấc không có một việc gì, hướng là trăm ngàn việc. Chưa ngủ thì không mộng, không thức, không nhiều, không một, do năng lực của ngủ nên gọi là nhiều, vì năng lực của thức nên gọi là ít. Trang chu mộng thấy làm bướm bướm, cũng chẳng phải nhiều năm. Vô minh mỗi pháp tánh, một tâm tất cả tâm như người kia ngủ kia ngủ mê, hiểu rõ vô minh tức là pháp tánh, tất cả tâm là một tâm, như người kia thức dậy... lại như người thực hành hạnh an lạc một khi ngủ mộng. Từ khi mới phát tâm cho đến thành Phật ngôi đạo tràng, quay chuyển pháp luân độ chúng sinh, nhập Niết-bàn, hoát nhiên đại

ngộ chỉ là một giấc mộng. Nếu tin ba ví dụ thì tin nhất tâm, chẳng phải miệng nói, chẳng phải tâm suy lường, đây là cảnh bất tư nghì không pháp nào mà không thâm nhiếp, cảnh này phát sinh trí tuệ không trí nào mà không phát, nương cảnh này phát sinh thệ nguyện cho đến không có pháp ái, không thể nào không đầy đủ, không hạnh nào không viên mãn, nói thì theo thứ lớp như trên, hành thì nhất tâm bên trong đầy đủ tất cả tâm...

2. Tâm phát Bồ-đề chân chánh: Đã hiểu sâu cảnh bất tư nghì, biết một khổ thì tất cả khổ, tự buồn lo cho nỗi khổ xưa, khởi hoặc đam mê thanh sắc thô tế, buông thả thân, miệng, ý gây ra nghiệp thiện, xoay vần trong đường ác, trói buộc trong các sự bức ngặt phiền muộn, thân tâm đều khổ tự bị tổn thương, mà nay lại lấy ái tự trói buộc, đền si làm hại, trải qua trăm ngàn muôn kiếp đau đớn vô cùng, dù muốn xa lìa ba đường, ưa thích năm giới, mười điều làm, tướng tâm tu phước, như chợ dễ mua bán, thay đổi càng thêm tội, tựa như cá mắc câu bướm tự bay vào trong đèn, mưu kế điên cuồng gian tà xảo quyệt, càng mê càng xa, khát nước lại uống thêm muối, rồng bị trói bỏ trong nước thật đau khổ, trâu bị lột da phơi dưới ánh nắng mặt trời, người mù đi vào chỗ gai nhọn, bị đâm chìm trong dòng nước xoáy, tay cầm dao ôm đước nhiều nỗi đau khổ đau thể nói hết, đuôi hổ đầu rắn thật đáng sợ hãi, tự nghĩ như thế, buồn thương cho người khác cũng vậy. Dài cho đi vào con đường nguy hiểm, làm phản quốc gia, trải qua đủ thứ cay đắng cùng tột, như chết được sống lại, đi đến chỗ nghèo nàn làm thuê đủ việc sống qua ngày, chỉ tá túc nơi am tranh, không chịu tiến tới trước, chỉ ưa làm những việc hèn mọn, không tin không hiểu, thật đáng thương xót. Suy nghĩ mình và người đều đáng thương xót, liền khởi tâm đại bi, phát hai thệ nguyện: Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ, phiền não vô tận thệ nguyện đoạn. Chúng sinh tuy như hư không, thể độ chúng sinh như hư không; tuy biết phiền não không thật có nhưng thể dứt phiền não không thật có, tuy biết số chúng sinh rất nhiều mà độ chúng sinh rất nhiều; tuy biết phiền não không bờ bến mà dứt bỏ phiền não không bờ bến; tuy biết chúng sinh như Phật như, mà độ chúng sinh như Phật như; tuy biết tướng như thật, cửa phiền não mà dứt phiền não như thật tướng. Vì sao? Nếu chỉ diệt nhân khổ mà không diệt quả khổ, thì thệ nguyện này xem lẫn với độ, cho nên phải quán không, nếu chỉ quán về không thì không thấy chúng sinh đáng được độ, đó gọi là chấp không, các Đức Phật sẽ không hóa độ. Nếu thấy tất cả chúng sinh đều đáng được độ, thì rơi vào ái kiến đại bi, chẳng phải đạo giải thoát... nay thì chẳng độ, chẳng phải lực nguy,

cho nên gọi là chân, chẳng phải không biên, chẳng phải hữu hiên, cho nên gọi là chánh, như chim bay giữ hư không không dừng lại giữa hư không, tuy không dừng giữa hư không nhưng dấu vết cũng không thể tìm thấy, tuy không mà độ tuy độ mà không, cho nên gọi là thệ, cùng tranh đấu với hư không, đó gọi là chân chánh phát tâm, Bồ-đề, tức là ý này.

Lại nữa, hiểu tâm bất khả tư nghì, một tâm vui tất cả tâm vui, ta và chúng sinh ngày xưa tuy cầu vui mà không biết nhân của vui, như chấp gạch ngói cho là ngọc như ý, vọng chỉ ánh sáng đóm gọi là ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, nay mới bắt đầu hiểu biết rõ, cho nên khởi tâm đại bi, phát hai nguyện: Pháp môn vô lượng thệ nguyện học, Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành. Tuy biết pháp môn hoàn toàn vắng lặng như hư không, thệ nguyện tu hành hoàn toàn vắng lặng; tuy biết Bồ-đề không thật có, đối với không thật có ta vẫn cố cầu; tuy biết pháp môn như hư không chẳng thật có, thệ nguyện tô vẽ làm trang nghiêm hư không; tuy biết Phật đạo chẳng phải thành sở thành, như trong hư không trồng cây mà được hoa được quả; tuy biết pháp môn và quả Phật chẳng phải tu chẳng phải không tu, tu chẳng phải chứng, in chẳng phải được, vì không chỗ đứng đắc mà chứng đắc mà chứng mà đắc, đó gọi là chẳng phải hư ngụy chẳng phải chất độc, gọi là chân, chẳng phải không, chẳng phải kiến ái, gọi là chánh. Thệ nguyện từ bi như vậy cùng với cảnh trí bất khả tư nghì, chẳng trước chẳng sau, đồng thời đều sinh khởi, từ bi tức trí tuệ trí tuệ tức từ bi, vô duyên vô niệm che trùm khắp tất cả. Diệt sạch hết khổ, tự nhiên được vui không đồng độc hại, không đồng đãi không, không đồng ái kiến, đó gọi là nghĩa chân chánh phát tâm Bồ-đề, là nghĩa tự thương xót mình, thương xót chúng sinh, đều như trên nói quán tâm có thể hiểu.

3. Khéo léo an tâm: Khéo dùng chỉ quán an trụ pháp tánh. Trên đã thông hiểu cảnh bất tư nghì vi diệu sâu kín, vận dụng từ bi rộng khắp bày che chở như thế, phải thực hành thệ nguyện, hạnh tức chỉ quán. Vô minh si hoặc vốn là pháp tánh, do si mê cho nên pháp tánh biến chuyển tạo thành vô minh, sinh khởi các sự điên đảo thiện, bất thiện... như mùa đông lạnh, nước đóng thành băng cứng, lại như người ngủ, tâm biến chuyển có các thứ mộng寐, nay đương thể các thứ điên đảo ấy tức là pháp tánh, không phải một, không phải khác. Tuy điên đảo khởi rồi diệt như vòng lửa xoay tròn, nhưng không tin điên đảo khởi diệt, chỉ tin tâm đây là pháp tánh, khởi là do pháp tánh khởi, diệt do pháp tánh diệt, thế kia thật không khởi diệt, vọng là khởi diệt, chỉ là vọng tưởng, đều cho

là pháp tánh. Dùng pháp tánh buộc trói pháp tánh, dùng pháp tánh nghĩ nhớ pháp tánh, thường là pháp tánh không gì không phải là pháp tánh, thể đạt đã thành, không được vọng tưởng, cũng không được pháp tánh, trở lại nguồn gốc pháp giới đều vắng lặng, đó gọi là chỉ. Chỉ như thế thì từ trước đến đây tất cả sự trôi lăn đều là chỉ, người quán quán sát tâm vô minh đều là pháp tánh, xưa nay đều không, dưới đồng với tất cả vọng tưởng, thiện ác, đều như hư không, không hai không khác. Thí như kiếp tận từ mặt dưới lên đến Sơ thiên bị bốc cháy, tất cả đều là lửa, lại như tướng do Bồ-tát hư không tạng hiện ra tất cả đều không, như tất cả do Hải Tuệ tử đầu đến cuối hiện ra tất cả đều là nước, tất cả đều từ niệm khởi, mỗi niệm đều tức không, không cũng không thật có, như trước nói lửa có thể khiến cho cháy củi, cũng lại tự nhiên, pháp giới thông suốt, thấy đều rộng lớn sáng suốt gọi là quán. Chỉ chính là trí, trí chính là chỉ, bất động chỉ chính là bất động trí bất động trí chính là bất động chỉ. Bất động trí chiếu soi pháp tánh tức là quán trí được an vui cũng là chỉ an, bất động đối với pháp tánh tương ứng tức là chỉ an, cũng là quán an, không hai không khác. Nếu cả hai đều không được an là tại sao? Xét rằng tâm thân mê muội, chợt khởi chợt diệt khó có thể giữ gìn, chợt lui chợt tới không dễ gì ngăn cấm, tuy là ngăn dứt sự rong ruổi, tuy nơi tối tăm đen tối lại quán, càng thêm khổ công, tan hoại mê hoặc, địch sức mạnh cò trai yếu nên tranh nhau giữ chặt chỗ hiểm, đã không được tiến lại không thể lùi, phải bỏ mạng giữ đạo, hiến dâng da thịt xương cốt, thệ khéo léo an tâm phương tiện hồi chuyển, để được tương ứng, thành lập quán hạnh.

An tâm chia làm hai:

1. Dạy người.
2. Tự mình thực hành.

- Dạy người chia làm hai:

1. Thầy là bậc Thánh.
2. Thầy là kẻ phàm.

1. *Thầy là bậc Thánh*: có năng lực tuệ nhãn sáng suốt đối với thuộc pháp, có năng lực pháp nhãn hiểu biết đối với bệnh chướng, có năng lực hóa đạo ứng bệnh mà cho thuốc, khiến người bệnh mau lành. Như ngài Cúc-đa biết đệ tử phải dùng tâm tín mà ngộ nên bảo leo lên cây, đáng dùng thức ăn mà ngộ cho nên bảo uống sữa lạc, phải dùng sự quở trách để được bèn hóa thành tượng cô gái, mỗi mỗi khai hiểu, không có mảy may sai lầm, không đợi thời, không quá thời, lời ỏi ra liền ngộ. Sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn, bậc thầy như thế rất khó được, rùa mà làm sao

tìm gặp được lỗ hổng của khúc gỗ nổi, hạt cải rơi chìm xuống đáy biển làm sao dùng mũi kim xuyên qua được, đã khó lại càng khó

2. *Thầy là người phạm*: Tuy không đủ ba năng lực cũng được thi thiết giáo hóa, thí như thầy thuốc giỏi phân biệt được bệnh cho thuốc, thấy sắc nghe tiếng biết bắt mạch cho thuốc liền hết bệnh có người mạng sắp hết cũng không thể chết, nếu không biết bắt mạch hỏi xem tướng trạng của người bệnh, y lời nói của người bệnh mà cho thuốc cũng liền hết bệnh. Thân tử là bậc Thánh đức còn lầm lẫn căn cơ, hướng chi phạm phu còn đủ sự ràng buộc mà xưng là thầy chữa bệnh ở đây không luận Thánh sư, chính là nói thầy là người phạm mà dạy người an tâm. Dạy người có hai thứ:

1. Tín hạnh.
2. Pháp hạnh.

Luận Tát-đà-đa nói hai hạng người này địa vị ở kiến đạo, nhân nghe mà nhập, đó gọi là tín hạnh, nhân tư duy mà nhập đó gọi là pháp hạnh.

Đàm vô đức nói: Địa vị ở phương tiện, tự thấy pháp ít nhờ, năng lực nghe nhiều, thời sau cần phải nghe pháp được ngộ, gọi là tín hạnh, nhờ sức nghe ít, tự thấy pháp nhiều, sau cần phải tư duy được ngộ, đó gọi là pháp hạnh, nếu trong kiến đạo vô tướng tâm lợi, một khi phát tức là chân, đâu cần phân biệt tín pháp, nhưng thường y cứ vào hạnh, thành luận y cứ vào căn tánh, mỗi mỗi đều có, do đó không chống trái nhau. Các vị thầy đời nay xa bàn nguyện do nhiều kiếp nghe bực, nhiều kiếp ngồi thiền thì được hạt giống tín pháp, đời đời huân tập thì thành căn tánh, thấy đều do nghe suy nghĩ mà được khai ngộ. Nếu nói về người căn tánh lợi độn thì do pháp hạnh lợi bên trong tự thực hành pháp quán, tín hạnh độn nhờ nghe nơi người khác. Lại tín hạnh thuộc lợi một phen nghe liền ngộ, pháp hạnh thuộc độn thì phải trải qua pháp quán sát, hoặc vừa lợi vừa độn: Người tín hạnh nghe tuệ lợi tu tuệ độn, người pháp hành tu tuệ lợi nghe tuệ độn. Đã nói người trước căn tánh lợi độn rồi làm thế nào mà an tâm vị thầy nên hỏi rằng: Ông đối với định tuệ ghi nhớ những gì? Nếu người ấy nói tôi nghe Phật nói Thiện tri thức như hình ảnh mặt trăng sáng dần dần tròn đầy, lại như thiền cấp dần dần nâng cao, khéo nói chuyển tâm người, đắc đạo hoàn toàn nhờ nhân duyên, ý thích khát uống như trâu con tìm mẹ, phải biết đó là người tín hạnh. Nếu nói tôi nghe Phật nói như gương soi tỏ thân thể sắc tướng rõ ràng bất động, nước trong không sóng thì có cá tự hiện. Ưa xả bỏ ác giác như bỏ gánh nặng phải biết đó là người pháp hạnh. Đã biết căn tánh đối với

một người tám lần an tâm. Nay người thiện nam! Từ vô lượng kiếp đến nay uống thuốc độc tán loạn, chạy theo năm trần chìm nổi trong ba cõi, cũng như gió mạnh thổi bông đầu-la, như lửa mạnh nấu chảo đậu trời sụt lên xuống, từ khổ đến não, từ não đến khổ, sao không dừng tâm, thấu đạt nguồn gốc, dùng một ý ấy. Ý nếu là một vì sao không phân biệt khổ tập, được một thì không luân hồi, vô minh được một thì không đến nơi hành, cho đến không đến già chết, bẽ gãy cây đại thọ rồi cho nên không tạo nghiệp mới. Sáu tặc được một thì vượt qua được bờ bên kia, chỉ đây mới là an vui, phương tiện khéo léo, các thứ nhân duyên, các thứ thí dụ, rộng khen ngợi chỉ, sinh khởi tâm ưa thích, đó gọi là tùy lạc dục thể chỉ an tâm.

Lại người thiện nam, trời cao đại hạn sông hồ đều cạn, muôn vật cháy khô, trăm hoa rơi rụng. Vua rồng T-già-la trong bảy ngày giăng mây bốn phương giáng mưa, mặt đất đều thấm nhuần, tất cả hạt giống đều nảy mầm, mọi gốc rễ đều khai phát, hết thảy cánh lá đều xanh tốt, hoa quả đều đầy đủ, con người cũng giống như vậy. Do tán loạn buông lung cho nên đáng lẽ sinh thiện không còn sinh, đã sinh thiện rồi lại lui sụt, sông thiên định khô cạn, cây đạo phẩm tiêu diệt, muôn điều lành cháy khô, trăm phước tàn rụng, nhân hoa quả đạo không còn thanh thực. Nếu có thể rừng nhân một ý, trong không ra, ngoài không vào thì mây sẽ yên tĩnh nổi vậy. Sinh khởi các thiện định tức thì mưa xuống, công đức đầy đủ phương tiện noãn đánh, mắt trí sáng suốt tín nhẫn thuận nhẫn vô sinh tịch diệt cho đến vô thượng Bồ-đề thảy đều có thể đạt được, phương tiện khéo léo, các thứ thí dụ nhân duyên, rộng khen ngợi đối với chỉ sinh gốc lành kia, đó gọi là tùy tiện nghi dùng chỉ để an tâm.

Lại nữa, người thiện nam, người tán tâm là ác ở trong ác, như người say không làm chủ được mình dẫm đạp bừa bãi, phá hoại ao hoa, xỏ mũi lạc đà, bắt mang chỏ nặng, nhanh hơn điện chớp, độc hơn lưỡi rắn, lớp lớp năm thứ bụi, sương, mặt trời, lông mi gân, mây xa, đều không thấy được. Nếu có thể tu định như trong nhà tối thấp đèn thì phá được đêm tối, có thể tìm chọn lựa vàng, đủ mỏng manh như không, sắc rõ ràng, một ngón tay hai ngón tay ba ngón tay đều rõ ràng, bụi trần dù nhiều mưa lớn có thể thấm, đại kinh có thể làm yên tịnh sự cuồng tán buông lung, chỉ có công năng phá diệt sự tán loạn luống dối. Các thứ nhân duyên thí dụ phương tiện khéo léo, rộng khen ngợi chỉ, xua tan sự ngủ nghỉ kia, đó gọi là đối trị dùng chỉ để an tâm. Lại người thiện nam, nếu tâm ở trong định thì có thể biết được pháp tướng sinh diệt của thế

gian, cũng biết pháp tướng bất sinh bất diệt của xuất thế gian. Như lai thành đạo vẫn còn vui với định, hưởng chi phàm phu. Người có thiên định như ban đêm thấy ánh điện lóe sáng, tức được thấy đạo, dứt tất cả vô số việc ác, cho đến được thành nhất thiết chủng trí, các thứ nhân duyên, thí dụ, phương tiện khéo léo, rộng khen ngợi chỉ, tức hợp chân như, đó gọi là tùy đệ nhất, nghĩa dùng chỉ quán an tâm. Người kia nếu nói ta nghe vắng lặng đều không ghi nhớ trong lòng, nếu nghe phân biệt thọ nhận không thỏa mãn, tức nên nói ba đường ác thiêu cháy lạc đà, ngựa quý đói khát không gọi là khổ, si ám không nghe không biết phương hướng mới là khổ lớn. Học rộng phân biệt lạc, thấy pháp pháp hỷ lạc, dùng thiện xảo ác lạc, không đắm chấp A-la-hán, đó gọi là tối lạc, theo người học rộng, nghe cam lộ vui, đúng như lời dạy cách quan sát, biết rõ đạo phi đạo, xa lìa hầm hố, đi thẳng không trở lại, các thứ duyên dụ, phương tiện khéo léo, rộng khen ngợi quán, sinh tâm vui mừng, đó gọi là tùy lạc dục, dùng quán an tâm.

Lại nữa, người thiện nam, trăng sáng hoa sen nở, mặt trời mọc làm công việc thích ứng theo chủ, vẽ màu phải có keo đồ gốm không nung lửa thì không dùng được, người mù không ai dắt, đường thì không bước tới được một bước, người tu hành không quán trí cũng giống như vậy. Nhất thiết chủng trí dùng quán làm căn bản, trang nghiêm vô lượng công đức, các thứ duyên dụ, phương tiện khéo léo, rộng tán khen ngợi quán sinh ra công đức kia, đó gọi là tùy phương tiện, nên dùng quán an tâm. Lại người thiện nam, người trí biết oán, oán không hại được, võ tướng có mưu chước phá được địch mạnh, không có gió thì may đầu cuộn, không có mây thì cần gì ngăn nhiệt, không có nước lấy gì diệt được lửa, không có lửa lấy gì ngăn trừ bóng tối, dao cỡi trời, búa chẻ củi đầu thể vượt quá trí tuệ, các thứ duyên dụ, phương tiện khéo léo, rộng khen ngợi quán khiến phá các điều ác, đó gọi là đối trị dùng quán an tâm. Lại người thiện nam, bảy báu ở dưới giếng bình chậu trong nhà tối, đợi ánh sáng mặt trời xuất hiện mới thấy được rõ, cần phải có mắt trí tuệ quán sát thật tướng các pháp, đối với tất cả các pháp đều dùng chỉ quán nhập Bát-nhã Ba-la-mật, chiếu soi rất sáng, các thứ duyên dụ phương tiện khéo léo, rộng khen ngợi quán khiến được giải ngộ, đó gọi là Đệ nhất nghĩa dùng quán tâm. Tám lần như vậy nói pháp an tâm cho người tín hạnh nghe, nếu nói người kia tôi thích dùng tâm, dùng nghỉ yên lặng, tổn hại lại tổn hại, tìm đến nơi vô vi, không ưa phân biệt, rong ruổi vô ích, đây là căn tánh của pháp hành, nên nói chỉ cho họ nghe. Ông chớ tìm cầu bên ngoài mà chỉ giữ gìn bên trong, phan duyên trôi

lăn đều do vọng sinh, như vòng lửa xoay tròn ngừng tay thì dứt, sóng lớn giập dữ, gió lặng thì nước đứng trong.

Kinh Tịnh Danh chép: Vì sao gọi là phan duyên? Nghĩa là duyên ba cõi. Làm thế nào để dứt phan duyên? Đó là tâm vô sở đắc.

Kinh Ứng cháp: Người kia được nhất tâm thì muôn điều tà sẽ tiêu diệt.

Ngài Long Thọ nói: Thật pháp không điên đảo, quán niệm tướng đã dứt, pháp ngôn ngữ đều diệt, vô lượng các tội trừ, tâm thanh tịnh thường nhất, người tuyệt diệu như vậy, thì thấy được Bát-nhã. Xét rằng trong núi u tịch thần tiên khen ngợi hưởng gì là Niết-bàn vắng lặng yên tịnh, thần Thánh tôn sùng.

Kinh Phật thọai chép: Tỳ-kheo ở trong xóm làng thân mộng tỉnh cần các Đức Phật đều lo, Tỳ-kheo ở núi dứt mọi sự thế gian, an nghỉ, các Đức Phật đều vui, hưởng gì lại ngồi kiết già, khoanh tay ngậm miệng, tư duy thật tướng tâm chuyên vào chỉ, pháp giới đồng vắng lặng đâu chẳng phải là yếu đạo, chỉ đây là đáng quý, ngoài ra không thể sánh bằng, các thứ duyên dụ, các thứ nhân duyên, rộng khen ngợi chỉ, khởi tâm vui mừng, đó gọi là tùy lạc dục dùng chỉ an tâm. Nếu người kia nói tôi quán pháp tướng chỉ thêm lăng xăng dao động, pháp lành không sáng suốt, nên nói chỉ cho họ nghe. Chỉ là pháp giới bằng phẳng như ruộng tốt, không pháp nào không đầy đủ chỉ, xả bỏ phan duyên tức là đàn, thể của chỉ chẳng phải tức là giới, thể của chỉ bất động tức là nhẫn, chỉ không xen tạp tức là tinh tấn, chỉ quyết định tức là thiền, pháp chỉ này cũng vô, người chỉ cũng vô, tức là tuệ, nhờ chỉ mà liễu phi chỉ, phi bất chỉ, tức là phương tiện. Một chỉ tất cả chỉ, tức là nguyện, chỉ chỉ ái, chỉ chỉ kiến tức là lực, chỉ đây như Phật chỉ, không hai không khác, tức là trí, chỉ đầy đủ tất cả pháp, tức là bí tạng, chỉ an nơi chỉ đâu cần dụng riêng tu các pháp, các thứ nhân duyên thí dụ, phương tiện khéo léo khiến phát sinh gốc lành, tức là tùy tiện nghi dùng chỉ an tâm. Nếu nói tôi quán pháp tướng mà tán loạn, ngủ nghĩ không dứt, thì nên nói chỉ cho họ nghe, phần lớn có công năng, chỉ là bức vách ngăn chặn tám thứ gió ác giác không thể xâm nhập được, chỉ là nước lắng trong lắng động tám thứ điên đảo tham dâm, cũng như sương sớm thấy ánh nắng mặt trời thì tan biến, chỉ là đại bi oán thân đều thương xót, có thể phá tan sân nhuế phẫn nộ, chỉ là chú đại minh, si mê nghi ngờ đều bỏ. Chỉ tức là Phật trừ chướng đạo, như thuốc A-già-đà trị tất cả các thứ bệnh tật, chú như thầy thuốc giải cứu khỏi khô chết, các thứ nhân duyên thí dụ, phương khéo léo, khiến cho họ bỏ ác, đó gọi là đối trị dùng chỉ an tâm. Nếu người kia nói khi tôi

quán sát không được khai ngộ thì phải nói chỉ cho họ nghe, chỉ tức là thể chân, chiếu mà thường tịch, chỉ là tùy duyên, tịch mà thường chiếu, chỉ tức bất chỉ chỉ, ngăn đều chiếu, chỉ là mẹ của Phật, chỉ là cha của Phật, cũng tức là cha tức là mẹ, chỉ tức thầy của Phật, mắt của Phật, tướng tốt của Phật, kho tàng Phật, chỗ ở của Phật, không nơi nào không đầy đủ, không chướng nào không trừ diệt, các thứ nhân duyên thí dụ, phương tiện khéo léo, rộng khen ngợi chỉ, đó gọi là Đệ nhất nghĩa dùng chỉ an tâm. Nếu người ấy nói trạng chỉ là thâm trầm lặng lẽ, chẳng phải là thứ tôi ưa thích, nên vì họ quán xét suy tìm đạo lý. Trong bảy giác phần có trạch giác phần, trong tám chánh có chánh kiến, trong sáu Độ có Bát-nhã độ, đối với pháp môn làm chủ, làm người dẫn đường, cho đến thành Phật chánh giác, đại giác, biến giác, đều là tên khác của quán tuệ. Nên biết quán tuệ rất là tôn quý nhiệm màu, rộng khen ngợi như vậy, đó gọi là tùy lạc dục dùng quán an tâm. Nếu siêng tu quán có thể sinh lòng tin giới, định tuệ, tuệ giải thoát, giải thoát tri kiến. Biết bệnh, rõ thuốc là hạnh lớn hóa đạo, các điều lành đều phù hợp chớ trái qua pháp quán, đó gọi là tùy tiện nghi dùng quán an tâm. Quán có khả năng phá tan sự tối tăm, có thể chiếu sáng đạo, trừ diệt oán tặc, có thể được vật báu, làm nghiêng đổ núi tà, khô cạn biển ái đều do năng lực quán, đó gọi là tùy đối trị dùng quán an tâm. Quán pháp quán thì không được thấy năng sở, tâm lo lắng mông lung, muốn khai mở mê mờ, chỉ nên siêng năng quán khai thị ngộ nhập, đó gọi là dụng Đệ nhất nghĩa dùng quán an tâm. Đó là tám lần nói pháp an tâm cho người pháp hành nghe.

Lại nữa, căn của con người là bất định, hoặc có khi xoay chuyển, Tát-bà-đa nói chuyển độn căn thành lợi căn, luận thành thật nói thường tu tập thì lợi. Đây là từ đầu đến cuối nói về lợi độn, không nói trong một lúc. Nay nói chúng sinh tâm hành bất định, hoặc chỉ trong chốc lát mà độn, chốc lát mà lợi, nhâm vận tự như thế, chẳng liên quan đến căn chuyển, cũng không thường tu tập; hoặc nghe lâu mà không hiểu, chỉ tạm thời suy nghĩ rồi liền quyến đoán, cho nên lại nói chuyển căn an tâm, hoặc pháp hành chuyển thành tín hành, tùy căn kia chuyển dụng tám phen tất-đàn, mà trao cho sự an tâm. Nếu tín hành chuyển thành pháp hành cũng theo căn chuyển dụng tám phen tất-đàn, mà trao cho sự an tâm, hiểu được ý này, rộng lược tự tại mà nói. Chuyển, bất chuyển, hợp lại có ba mươi hai thứ án tâm.

Tự hành an tâm: Phải quán sát tâm này làm thế nào để an vui, nếu muốn dứt vọng để niệm tưởng vắng lặng thì gọi là hạnh an lạc. Nếu ưa thích nghe thấu suốt nguồn gốc vô minh thì gọi là hạnh lạc tín. Người

ưa yên tịnh như vọng từ tâm sinh, tâm dứt thì các vọng đều tịnh, nếu muốn soi tỏ hiểu biết cần phải biết nguồn gốc của tâm, tâm vốn không hai thì tất cả các pháp đều đồng với hư không, đó gọi là tùy lạc dục tự hành an tâm. Tâm kia tuy rộng phân biệt tâm và các pháp, mà tín niệm tinh tấn mảy may điều lành chẳng sinh, liền phải dừng nghỉ chờ động, công đức các điều lành do tịnh mà sinh, nếu ngừng động thì càng am thâm lặng lẽ, đều không có tinh tấn nhẫn nhục, phải suy nghĩ tính toán sách tấn cho sinh khởi, nếu niệm niệm không dừng, như ngựa rong thì phải dùng chỉ để đối trị sự buông lung. Nếu im lặng vô ký tương ứng với ngủ, thì phải tu quán ngăn phá các sự hôn mê, tu chỉ lâu mà không thể khai phá thì phải tu quán, quán tất cả pháp vô ngại không khác, thấy đều sáng suốt lợi ích, dần dần giác ngộ như hư không. Nếu tu quán lâu mà ám chướng không hết thì lại phải tu chỉ, dừng các duyên niệm, vô năng vô sở, sở ngã đều vắng lặng, không tuệ sẽ sinh, đó gọi là tự tu pháp hành tám phen khéo léo cùng để được an tâm... tín hành an tâm: Hoặc muốn nghe vắng lặng sáng suốt như núi Tu-di, không sợ tám thứ động thì nên nghe chỉ, muốn nghe sự lợi lạc quán phá các phiền não, như mặt trời xua tan các sự tối tăm, thì nên nghe quán; nghe quán lâu như mặt trời đốt cháy mây, mống, thì nên nghe chỉ thấm dần nước định. Hoặc nghe định ngâm lâu như mần non bị hư thối không mọc, thì nên nghe quán khiến mặt trời gió phát động giúp cho pháp lành hiện tiền, hoặc khi rong ruổi một niệm không dừng thì nên nghe chỉ để đối trị tán tâm, hoặc hôn trầm ngồi dưới sương mù, thì nên nghe quán để phá sự hôn muội này, hoặc nghe chỉ thông suốt thì chuyên nghe chỉ, hoặc nghe quán thông rõ thì chuyên nghe quán, đó gọi là tự tu tín hành tám phen khéo an tâm. Nếu tâm pháp hành chuyển thành tín hành, tâm tín hành chuyển thành pháp hành thì đều tùy theo người kia thích nghi mà khéo léo nghiên cứu. Tự hành có ba mươi hai thứ, hóa tha cũng có ba mươi hai thứ, hợp thành sáu mươi tư thứ an tâm. Lại nữa, tín pháp không cô lập, cần phải nghe suy nghĩ trợ giúp cho nhau, như pháp hành hỗ trợ nghe một câu thì thể vắng lặng, sinh tâm vui mừng. Lại nghe chỉ rồi, trở lại tư duy liền sinh thiền định lại nghe chỉ rồi lại tư duy, sáng suốt sắp ngộ, lại nghe quán rồi lại tư duy tâm rất vui mừng, lại nghe quán rồi trở lại tư duy sinh ra điều lành, phá ác gấp ngộ... y cứ như trước có thể biết. Đây là nghe ít tư duy nhiều gọi là pháp hành, chẳng phải đều không nghe pháp. Người tín hành ngồi ngay ngắn tư duy vắng lặng, vui mừng hớn hở chưa sinh khởi đã nghe chỉ, hoan hỷ vui mừng, ngồi ngay ngắn nhớ nghĩ điều lành, điều lành không thể phát, khởi đã nghe chỉ,

tín giới tinh tấn, càng tăng thêm gấp bội, ngồi ngay ngắn trị ác, ác chưa thể bỏ đã nghe chỉ tán động phá diệt, ngồi ngay thẳng tức chân, chân thật chưa sinh khởi, đã nghe chỉ hoạt nhiên ngộ vắng lặng, đó gọi là tín hành, ngồi ít nghe nhiều, chẳng phải đều không tư duy. Trước tạo một bề căn tánh, nay tạo căn tánh trợ giúp lẫn nhau, y cứ vào sự trợ giúp này lại nói về chuyển bất chuyển, cũng có ba mươi hai thứ an tâm. Hóa tha giúp nhau, cũng có ba mươi hai thứ an tâm, hiệp lại thành sáu mươi bốn, hiệp thêm trước thành một trăm hai mươi tám thứ an tâm. Xét rằng tâm địa khó an, trái ngược với khổ, thuận với vui, nay tùy theo sở nguyện kia mà an, thí như nuôi sống hoặc ăn hoặc uống, thích hợp với thân lập mạng, nuôi dưỡng pháp thân cũng giống như vậy, dùng chỉ làm uống, lấy quán làm thức ăn, thuốc pháp cũng như vậy. Hoặc hoàn hoặc tán, để trừ bệnh lạnh nóng, trị bệnh vô minh, dùng chỉ làm hoàn, dùng quán làm tán, như pháp âm dương, dương thì trăng gió, âm thì mây mưa, mưa nhiều thì sáng sửa, mặt trời nhiều thì nóng bức. Âm như định, dương như tuệ, định tuệ riêng tư đều không thấy Phật tánh, tám phen điều hòa, quý ở chỗ vừa ý, có một hạng Thiên sư không chịu thực hành quán, chỉ duyên hành chỉ.

Dẫn kệ nói: Tư duy luống tư duy luống tự khổ, dứt tư chính là đạo, có tự trọn không thấy. Lại có hạng Thiên sư không chịu thực hành chỉ, chuyên tâm hành quán.

Dẫn kệ rằng: Chỉ luống tự chỉ, hôn mê không lý do, chỉ chỉ tức là đạo, quán quán được hội lý. Hai vị Thiên sư mỗi vị đều theo một một pháp môn mà vào đạo, tự mình dạy người khác, người học thì không thấy ý, một bề uống sữa còn khó được, huống chi đề hồ. Nếu một bề hiểu biết thì vì sao Đức Phật nói nhiều điều như vậy ư! Trời không thường sáng, thầy thuốc không chuyên tán, thức ăn không thường là cơm, thế gian còn không như vậy, huống chi xuất thế gian ư? Nay tùy căn cơ, tùy bệnh mà xoay chuyển tự hành hóa tha có sáu mươi bốn thứ. Nếu căn cứ ba phen chỉ quán thì có ba trăm tám mươi bốn. Lại nữa, nhất tâm chỉ quán còn có sáu mươi bốn, hiệp lại có năm trăm mười hai. Ba Tất-đàn là an tâm thế gian, thầy thuốc thế gian trị lành bệnh khiến sống trở lại, một Tất-đàn làm an tâm thế gian, Đức Như Lai đã trị rất ráo không chỗ an, nếu lìa chỉ quán thì không có pháp an tâm, nếu tâm an thì đối với chân đế một câu liền đủ. Nếu kia bày lẫn nhau. Nếu kia không an thì khéo dùng phương tiện khiến cho tâm họ được an. Một mắt lưới giăng không thể bắt được chim, muốn bắt được chim thì phải giăng một mắt lưới. Tâm hành chúng sinh mỗi mỗi đều khác nhau hoặc nhiều

người cùng một thứ tâm hành, hoặc một người có nhiều thứ tâm hành, như vì một người, nhiều người cũng như vậy, như vì nhiều người, một người cũng như vậy, phải rộng bố thí pháp, nhiều như mắt lưới để bắt chim tâm hành.